

# Lục Tổ Huệ Năng là người Việt Nam



**Lời TS:** Ngày 13.10.06 toàn thể Phật giáo đồ chịu chung một tang lớn khi Hòa Thượng Thích Mãn Giác viên tịch. Thầy đã là bóng mát từ bi, là tấm gương đức hạnh cho nhiều thế hệ Phật tử. Trên con đường hoàng Pháp, độ sinh, Thầy đã để lại cho chúng ta một gia tài quý báu về Kinh dịch, Pháp luận và thơ văn. Trong lời dẫn nhập của bản dịch Pháp Bảo Đàn kinh của Tổ Huệ Năng (bản xưa nhất, tìm được ở động Đôn Hoàng, vùng sa mạc Tân Cương, miền Trung Á), Thầy đã nói về gốc gác của Lục Tổ, ST xin được trích ra đây để chia sẻ cùng ACE áo Lam.

## Sự thực lịch sử về việc hình thành Thiên tông được khai quật từ động Đôn Hoàng ở vùng sa mạc Tân Cương tại Trung Á.

... Tôi cảm thấy cần thiết phải dịch lại nguyên bản xưa nhất của Pháp Bảo Đàn kinh và nhất là giới thiệu cho dân tộc Việt Nam một nền đạo lý chính thống đã nuôi dưỡng dân tộc ta suốt từ mười mấy thế kỷ nay. Không có ngài Huệ Năng thì chẳng bao giờ có đời Lý và đời Trần, hai triều đại quyết định tất cả tinh túy hồn tính của Việt Nam. Chẳng những ở Việt Nam mà thôi, nếu không có ngài Huệ Năng thì chẳng bao giờ có cái đạo Thiên, gọi là Thiên tông Trung Hoa và Triều Tiên, Zen của Nhật Bản và tất cả những gì người ta nói đến Thiên hiện nay ở Tây phương; Thiên đã ảnh hưởng thế nào đến học thuật văn hóa Tây phương ở thế kỷ XX thì mọi người đều biết; Thiên đã tác động đến cả một nền văn chương Hoa Kỳ ở hạ bán thế kỷ XX này.

... và người đã thực sự sáng tạo ra Thiên tông lại chính là Huệ Năng chứ không phải Bồ Đề Đạt Ma; ngài Bồ Đề Đạt Ma chỉ là được truyền thống Thiên chọn lựa đứng tên danh dự mà thôi để linh động hóa tinh thần tạ ơn đối với Ấn Độ, quê hương tâm linh của Phật giáo nhân loại. Một người độc thân duy nhất đã thay đổi

toàn triệt truyền thống Phật giáo Trung Hoa, Triều Tiên và Nhật Bản, và ảnh hưởng toàn diện đến văn hóa học thuật Á Đông và hiện nay của cả thế giới, người ấy là Huệ Năng, và **Huệ Năng là người Việt Nam** mà chính toàn dân Việt Nam lại không hề biết đến, và ngay cả truyền thống Phật giáo Việt Nam lại bỏ quên ngài và coi ngài như bao nhiêu vị sư tổ Trung Hoa khác. Những nhà học giả Trung Hoa rất hãnh diện về ngài Huệ Năng và cho rằng ít nhất ngài ngang hàng với Lão Tử, Khổng Tử, Trang Tử và Mạnh Tử, chẳng hạn giáo sư John C.H.Wu, Viện trưởng Viện Đại học Văn hóa Trung Hoa ở Đài Loan, hãnh diện quả quyết như vậy: "**Huệ Năng nhất định là một trong những thiên tài cao lớn nhất, vĩ đại nhất mà đất Trung Hoa đã sinh sản ra. Huệ Năng đứng chung ngang hàng với Lão Tử, Khổng Tử, Mạnh Tử và Trang Tử**".

Lần lượt sau đây, chúng ta sẽ thấy rằng Huệ Năng là người Việt Nam và điều này đã được chứng minh dứt khoát rõ ràng trong tất cả những bản khác nhau của Pháp Bảo Đàn kinh, dù cho những đời sau cố tình thêm bớt che giấu sự thật thì tất cả những bản kinh khác đều còn giữ lại những câu quyết định nhất để nói lên sự thực lịch sử quyết định trầm trọng rằng ngài Lục Tổ Huệ Năng là người Việt Nam. Dù tất cả di bản, bia ký, tài liệu, văn thư, sách vở của Trung Hoa còn để lại đều để tạo ra cảm tưởng sai lầm rằng Huệ Năng là người Trung Hoa, nhưng chính đồng thời tất cả những tài liệu lịch sử còn giữ lại đó đã giúp đỡ đưa ta đi đến những kết luận nghịch hướng và không thể chối cãi được rằng ngài Huệ Năng là một người Việt Nam. Đây là một khám phá lớn nhất cho cả dân tộc, và chúng ta có đặc ân khai thác và bảo tồn như viên ngọc quý nhất của dân tộc. Tôi xin khiêm tốn trao tặng viên ngọc quý này cho nền Quốc học Việt Nam.

Trước khi đi đến những dữ kiện, tài liệu lịch sử để chứng minh Huệ Năng là người Việt Nam, tôi xin cụ thể gọi lại đây cho ta thấy "bản lai diện mục" của ngài Huệ Năng qua cái nhìn của tôi từ những dữ kiện rõ ràng có thể thấy được, dưới một luồng ánh sáng khác chiều rọi trên con đường cô độc của một đạo sĩ Việt Nam cách đây trên 13 thế kỷ. Điều sai lầm lớn nhất là mỗi khi ta nhắc đến ngài Huệ Năng thì lập tức chúng ta hình dung rằng ngài có hình dáng một cụ Hòa thượng già nua, mừng tượng như hững hình ảnh ta nhìn thấy trong sách vở Tàu; tất cả những hình ảnh của ngài và ngay cả hình ảnh chụp nhục thân của ngài đều là những hình ảnh do những đời sau nặn tạo. Chúng ta cần phải thành kính thờ lạy tất cả những hình ảnh về ngài do những thế hệ đã qua để lại, vì tất cả những di ảnh ấy đều là những biểu tượng cần thiết hữu hình về ngài; chúng ta phải cần có những biểu tượng hữu hình để thờ lạy, vì cơ cấu tâm thức của chúng ta cần phải nương tựa thành kính vào một hình tượng cụ thể để mới có khả năng vượt qua hình tượng, chứ không thì

để rơi vào chủ nghĩa hư vô. Nhu yếu vô hình và siêu hình của tâm hồn phải cần nương tựa vào một hình tượng nhất định để rồi siêu hóa và chuyển hóa tất cả những hình tượng. Chính ngay đương thời với ngài Huệ Năng, theo truyền thuyết, có đệ tử tạc tượng ngài, nhưng chính ngài Huệ Năng ngó tượng và mỉm cười: "Người chỉ có tài nặn hình mà chẳng hiểu được tánh Phật". Dù đây chỉ là đoạn văn do người sau thêm vào Tông Bảo của Pháp Bảo Đàn kinh, nhưng vẫn nói lên được cụ thể cái tinh thần vô tướng của nguyên ngữ khí của Huệ Năng. (Bản Tông Bảo có điều vô lý là ghi rằng Phương Biên, người tạc tượng, đã gặp Bồ Đề Đạt Ma, đến trước Huệ Năng năm đời Tổ). Chúng ta thường hình dung nét mặt của ngài Huệ Năng là nét mặt hiền hậu của một cụ già, nhưng chúng ta đã quên rằng Huệ Năng đã từng rất trẻ, và chính tuổi trẻ của Huệ Năng quyết định hết tất cả sự nghiệp tâm linh vĩ đại của Huệ Năng, vì tất cả những bản khác nhau của Pháp Bảo Đàn kinh đều giống nhau ở chỗ nói lên tuổi trẻ của Huệ Năng, khi ngài đến gặp Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn. Ba điều cần nhấn mạnh về tuổi trẻ của ngài Huệ Năng:

- Thứ nhất: Huệ Năng đã đắc đạo vừa lúc mới nghe người lạ tụng kinh Kim Cang trước khi ngài đến gặp Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn;

- Thứ hai: Huệ Năng là một thanh niên đầy tự tin, hãnh diện về sự chứng ngộ tâm linh của mình và không hề có một mặc cảm tự ti nào cả khi mới vừa gặp Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn. Theo tiêu chuẩn lễ nghi, lễ phép ở tông môn thì cách đối đáp của Huệ Năng (vừa mới gặp Ngũ Tổ lần đầu tiên) quả thực là rất "vô lễ".

Ngay ở Việt Nam ngày nay, cũng không thấy một thanh niên trẻ măng mới đến chùa xin đi tu mà dám cả gan đối đáp như vậy với một vị Hòa thượng nổi tiếng (như Hoằng Nhẫn), huống chi đây là một thanh niên ngoại quốc ở vùng nhược tiểu "man rợ" mà dám đối đáp với Đại lão Hòa thượng đại cường quốc thống trị Trung Hoa thịnh Đường như vậy; Hoằng Nhẫn giả vờ hỏi một câu chê trách về nguồn gốc Việt Nam của Huệ Năng thì Huệ Năng trả đũa ngay lập tức như một kẻ đã chứng ngộ rồi mới dám khẳng định rằng: "Con người tuy có Tàu có Việt, tuy thân mọi rợ này không giống với thân Hòa thượng, nhưng Phật tánh trong Hòa thượng và trong tôi chẳng có gì là sai biệt". (Chúng ta phải hiểu chữ "Bắc" trong kinh có nghĩa là "Trung Quốc" và "Nam" có nghĩa là Việt Nam; ngày xưa người Trung Hoa coi nước Việt Nam là thuộc địa miền Nam của họ);

- Thứ ba: Huệ Năng không được Hoằng Nhẫn dạy đạo gì cả và chỉ ở chùa với Ngũ Tổ có tám tháng mà thôi, và được Ngũ Tổ trao truyền y pháp và ngôi Lục Tổ, lúc Huệ Năng mới có được khoảng 22 tuổi và chỉ non khoảng 23 tuổi. Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn chỉ giữ vai trò

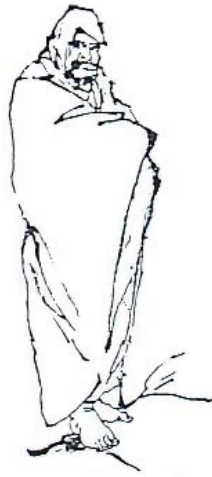
danh dự là ấn chứng cho Huệ Năng, vì thế Ngũ Tổ mới lên lút kêu gọi Huệ Năng đêm khuya vào gặp riêng Ngũ Tổ để ngài trao y pháp và giảng cho một thời kinh Kim Cang gọi là lấy lệ thôi, rồi sau đó Ngũ Tổ âm thầm lên lút đưa tiễn Huệ Năng đến trạm Cửu Giang, và đuôi khéo Huệ Năng trở về rừng rú Việt Nam, không dám giữ lại đất Trung Hoa, vì Ngũ Tổ đã làm một việc can đảm phi thường nhất đáng ngại: trao ngôi vị lớn nhất của Thiên tông (lúc đó chưa có tên là "Thiên tông" mà chỉ có tên là Đông Sơn pháp môn) cho một thanh niên "mọi rợ" mới chưa đầy 23 tuổi.

Có một điều không nên quên đó là lần đầu tiên và có thể là lần cuối cùng độc nhất trong lịch sử Phật giáo Trung Hoa mà ngôi vị Tổ sư của một tông pháp lớn nhất của Phật giáo lại được trao truyền cho một người

ngoại quốc còn rất trẻ tuổi và chưa thọ giới xuất gia gì cả (Huệ Năng chỉ làm lễ thế phát xuất gia theo điệu hình thức lúc gần 40 tuổi, vì "phương tiện thiện xảo", vì từ bi để hoằng pháp và gìn giữ ý nghĩa siêu việt của chữ "Tăng" trong Tam bảo (Phật, Pháp, Tăng), nhưng chi tiết này cũng do những bản đời sau của Pháp Bảo Đàn kinh thêm vào để cho "cụ túc" hình tượng cần thiết hóa độ). Chúng ta phải tán thán công đức siêu phàm của Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn ở đây: Hòa thượng đã nhìn nhận ra tất cả vĩ đại phi thường của một anh con nít, chưa đầy 23 tuổi, lại thuộc giống người "mọi rợ", chưa xuất gia, và Hòa thượng khéo léo kín đáo trao truyền tất cả trách nhiệm tâm linh nặng nề nhất của đạo pháp, khéo léo khuyên Huệ Năng lui trở về Việt Nam và trốn tránh ở Việt Nam, chứ

đừng ra mắt xuất hiện ở đất Trung Hoa nữa; Huệ Năng đã nghe lời dạy của Ngũ Tổ và đã mất dạng ở đất Trung Hoa trong vòng mười sáu năm; ngài trở về ẩn náu ở vùng rừng núi Việt Nam và đến mười sáu năm sau mới xuất hiện giữa vùng biên cương hai nước để thuyết pháp.

Từ ba điều cần nhấn mạnh trên, bây giờ chúng ta thử hình dung người thanh niên Huệ Năng. Chúng ta thử hình dung cách đây trên 13 thế kỷ, lúc đó tại vùng miền Bắc nước Việt Nam, quanh quần đảo đó thuộc vùng thượng du Bắc Việt, có một đứa con nít Việt Nam ra đời khoảng năm 638, tại vùng đất gọi là Lĩnh Nam, tức là Việt Nam, lúc đó nước Việt Nam đã mất chủ quyền độc lập, gọi là thời Bắc thuộc lần thứ ba, vào thời nhà Đường (cuộc Bắc thuộc đã man này kéo dài từ năm 603 cho đến năm 939). Tất cả những gì huy hoàng nhất của Việt Nam trong giai đoạn ấy đều bị Trung Hoa đồng hóa sát nhập vào sở hữu của họ. Cũng xin mở đầu ngoặc ở đây: Phật giáo Việt Nam lúc ấy rất huy hoàng và có nhiều vị sư Việt Nam đã được triệu thỉnh về triều đình Trung Hoa để dạy đạo Phật cho vua quan học; đó là chưa nói đến Trung tâm Phật



giáo Đại thừa có từ trước đời Đường ít nhất ba, bốn thế kỷ là nước Vu Điền (Khotan) ở Trung Á đã sản xuất bao nhiêu đạo sĩ truyền giáo Đại thừa cho Trung Hoa, hầu hết tất cả những vị này đã mang kinh điển Phật giáo đến Trung Hoa từ thế kỷ thứ hai và mấy thế kỷ sau; hầu hết tất cả những vị truyền giáo vùng Trung Á này đều đi bằng đường biển đến Trung Hoa và bắt buộc phải ghé Việt Nam trước khi đổ bộ sang Trung Hoa (ngay cả Bồ Đề Đạt Ma, người vùng Trung Á, chứ không phải Ấn Độ, vì không có sách Phật giáo Ấn Độ nào nói đến Bồ Đề Đạt Ma cả, ngay cả tài liệu Tây Tạng về Phật giáo Ấn Độ cũng không có nói đến Bồ Đề Đạt Ma), ngay đến Bồ Đề Đạt Ma, người vùng Trung Á, cũng phải đi đường biển và mất hết ba năm trời mới đến Trung Hoa, như thế trong thời gian ba năm đó, Bồ Đề Đạt Ma cũng phải lưu lại Việt Nam trước khi sang Trung Hoa. Việt Nam đã từng chịu ảnh hưởng mạnh về hình thức Phật giáo Trung Hoa, nhưng ngược lại Việt Nam đã ảnh hưởng lại Trung Hoa rất mãnh liệt mà ít ai thấy được, và trường hợp Huệ Năng là một thí dụ điển hình.

**Phật giáo Việt Nam đã ảnh hưởng mãnh liệt đến Phật giáo nước ngoài, như một trường hợp điển hình khác ít ai biết: năm 735, Thiền sư Việt Nam tên là Phật Triệt đã đến Nhật Bản và dạy chữ Phạn cho những Tăng sĩ Nhật Bản, và đồng thời Tổ sư trao truyền nhạc Phật giáo cho nền vũ nhạc triều đình Nhật Bản mà ngày nay người Nhật rất hãnh diện đã giữ lại nền vũ nhạc tuyệt vời ấy và coi như "một trong những kỳ quan của thế giới" và chính người Nhật cũng công nhận rằng đó là nền vũ nhạc mà chính một người Việt Nam đã trao truyền cho họ vào thế kỷ thứ VIII đang khi đó ở Việt Nam chúng ta đã quên mất hết tất cả những gì gọi là tinh túy của dân tộc (\*). Đây là một trường hợp đáng lưu ý cho những người quan tâm đến quốc học mà tôi sẽ đề cập trong dịp khác. Bây giờ xin đóng dấu ngoặc lại và trở về ngài Huệ Năng.**

**Chúng ta thử tưởng tượng hình dung một đứa con nít Việt Nam khi sinh ra đời thì nước Việt Nam đã trở thành lãnh thổ của nước Trung Hoa. Chúng ta chỉ biết đứa con nít ấy tên là Năng (chữ "Huệ" có thể do Ngũ Tổ đặt thêm cho Năng). Không ai biết rõ tung tích của đứa bé ấy, chỉ biết rõ rằng đứa bé ấy là người đất Lĩnh Nam (tức là Việt Nam). Ngay đến tên tuổi cha mẹ của Huệ Năng trong bản Đôn Hoàng và những bản sau của Pháp Bảo Đàn kinh đều do những thế hệ sau thêm vào (bản Đôn Hoàng Pháp Bảo Đàn kinh xuất hiện sau năm viên tịch của Huệ Năng ít nhất trên một thế kỷ sau). Khi đứa trẻ ấy lớn lên khoảng ngoài hai mươi tuổi, ở vùng gần biên giới Trung Hoa, nghèo khổ, phải đi bán củi nuôi sống, người nhỏ bé, ốm yếu, gầy đét, nhưng thông minh siêu phàm xuất chúng; tình cờ chỉ**



nghe một người tụng kinh Kim Cang mà giác ngộ; Huệ Năng biết nói tiếng Tàu, nhưng nói đại khái thôi và không rành lắm: dù kiện lịch sử đã chứng minh rằng Huệ Năng nói không rành tiếng Tàu (đã được những hậu bản kinh Pháp Bảo Đàn ghi chép) dù Huệ Năng có nói tiếng Tàu theo giọng Quảng Đông đi nữa thì không có lý do gì mà Huệ Năng phải cần tự biện hộ (ngài đối đáp với Hoàng Nhẫn) lúc Ngũ Tổ đưa ngài đến trạm Cửu Giang để trở về Việt Nam, nhất là trong một lúc nghiêm trọng như sắp vĩnh biệt Ngũ Tổ. Chẳng hạn đọc lại bản Tông Bảo của Pháp Bảo Đàn kinh:

"Lúc vào canh ba, Huệ Năng lãnh được y bát rồi thì mới hỏi: "Năng này gốc gác là người Việt Nam, vốn chẳng biết đường đi vùng núi này, làm thế nào mà ra vàm sông?". Ngũ Tổ đáp, con chẳng cần đi, tự ta sẽ đưa con đi. Tổ đưa Huệ Năng thẳng tới trạm Cửu Giang. Rồi Tổ bảo Huệ Năng lên thuyền, ngài cảm mái chèo lầy, nhưng Huệ Năng nói: "Xin Hòa thượng ngồi và hãy để đệ tử chèo lầy mới phải". Tổ nói: "Đáng lẽ ta độ cho người". Huệ Năng trả lời: "Khi mê thì thầy độ cho, ngộ rồi thì mình độ lấy mình. Chữ "độ" tuy có một mà chỗ dùng chẳng giống nhau. Huệ Năng này sinh ở chốn biên thùy xa xôi, thành ra tiếng nói không được đúng. Nhờ thầy truyền pháp rồi và nay đã đắc ngộ rồi thì chỉ tự mình mà độ lấy mình thôi". Chúng ta thấy gì trong lời ghi chép trên? Hiển nhiên chữ Hán "độ" có nghĩa là "đưa" mà cũng có nghĩa là "cứu độ". Khi Huệ Năng trả lời: "Lúc mê thì Tổ sư độ, ngộ rồi thì tự độ

lấy mình. Huệ Năng này sanh tại xứ dã man và giọng nói không đúng, nhờ Tổ sư truyền pháp, nay đã được tỏ sáng thì chỉ nên mình tự độ lấy mình". Đoạn này mới nghe qua tưởng dễ hiểu. Nếu chúng ta biết nhìn thấy qua bên trong sự việc thì chúng ta sẽ thấy được mật ý của đoạn văn. Đây không phải lúc mà Huệ Năng có thể "chơi chữ" với Tổ sư, vì đây là giây phút vô cùng nghiêm trọng và ngôn ngữ ở đây là ngôn ngữ bí mật giữa hai thiền sư; ngôn ngữ bí mật nằm giữa hai biên giới, biên giới Sống và Chết: một Tổ sư rút lui về sự Chết và một Tổ sư khác mới khai sinh. Huệ Năng đã hiểu mật ý của Ngũ Tổ và muốn nói với Ngũ Tổ rằng: "Thầy muốn đưa con về Việt Nam là để cứu thoát con để khỏi bị lâm nạn ở đất Tàu, vì con nói tiếng Tàu không rành, là người mọi rợ, lại lên ngôi vị Tổ sư, nhưng thầy đưa con đi đây có nghĩa rằng thầy muốn cứu thoát con, dù con nói không rành tiếng Tàu, nhưng con cũng hiểu ý của thầy khi thầy muốn "đưa" con đi và đồng thời muốn "cứu thoát" con ("độ"), con đã hiểu ý thầy rồi thì con phải tự cứu thoát lấy mình và trở về Việt Nam". Tất cả mật ý trên chỉ muốn nói lên điều duy nhất: Huệ Năng hiểu lý do tại sao Ngũ Tổ đưa trả Huệ Năng về Việt Nam, vì rất nguy hiểm cho tính mệnh của một người thanh niên trẻ tuổi, người "man rợ dã man" mà được trao truyền ngôi vị Tổ sư

thống lãnh tất cả Đông Sơn pháp môn, trường phái nổi tiếng nhất của Trung Hoa hồi đó. Chỉ có thể hiểu như vậy mới không thấy cái "lỗ bịch" của Huệ Năng khi tỏ vẻ "khôn vặt" chơi chữ với chữ "độ" trong một giây phút linh thiêng nhất, lúc già biệt thầy. Sau đó, chàng thanh niên Huệ Năng phải mai danh ẩn tích ở rừng núi Việt Nam trong khoảng mười sáu năm trời, rồi mới dám xuất đầu lộ diện thuyết pháp ở vùng biên giới Trung - Việt.

Ngài Huệ Năng thuyết pháp trên ba mươi mấy năm trời chung quanh vùng Quảng Đông và vùng biên giới Trung - Việt, và cả nước Trung Hoa lúc ấy không ai biết đến tên tuổi ngài cả, lúc ấy Thần Tú được trọng đãi ở triều đình Trung Hoa và được chính thức coi như Lục Tổ của Đông Sơn pháp môn (lúc đó chưa có phân biệt "Bắc Tú, Nam Năng" như ta thấy trong bản Đôn Hoàng và những hậu bản Pháp Bảo Đàn kinh). Danh tiếng, uy thế của Thần Tú và đệ tử Phổ Tịch lẫy lừng vang dội và được vua Trung Hoa coi như Quốc sư, đang khi ấy ngài Huệ Năng chỉ là một ông đạo sĩ "man rợ" tối tăm ở biên cương, chỉ có được một số môn đệ người Trung Hoa trung thành sùng bái, trong số đó có một người tên là Thần Hội; chính Thần Hội sau này đã khôi phục lại ngôi vị Tổ sư thứ sáu cho Huệ Năng và rao truyền đạo lý Đốn ngộ Bát nhã của Huệ Năng và đẩy lùi tất cả những trường phái Thiên tông khác đi vào bóng tối của lịch sử. Tất cả tư tưởng đạo lý của Thần Hội đều được rút ra trực tiếp từ Huệ Năng.

Vai trò quyết định của Thần Hội đối với lịch sử Phật giáo Thiên tông Trung Hoa và Nhật Bản chỉ mới được Hồ Thích khám phá ra từ những tài liệu đào ra được ở động Đôn Hoàng, lưu giữ ở Thư viện Quốc gia Paris. Tác phẩm của Thiên sư Thần Hội đã thất lạc từ lâu ở Trung Quốc và Nhật Bản, chỉ nhờ Hồ Thích khám phá ra ở thư loại Pelliot tại Paris mà lịch sử Phật giáo Thiên tông Trung Hoa đã được viết lại hết, chẳng những tài liệu của Hồ Thích thôi mà còn bao nhiêu tài liệu khác từ Đôn Hoàng đã giúp cho các học giả Nhật và phương Tây thấy rằng sự thực lịch sử về sự thành hình của Thiên tông không giống như những tài liệu lịch sử Phật giáo Trung Hoa như chúng ta từng quen biết từ lâu.

Những gì chúng ta biết được về những Tổ sư Trung Hoa từ Bồ Đề Đạt Ma cho đến Huệ Năng đều do những truyền thuyết ngụ tạo ở những thế hệ sau. Tất cả những sử gia Trung Hoa và ngoại quốc muốn viết gì về Huệ Năng đều lấy tài liệu chứng minh từ bộ Toàn Đường văn (Đài Bắc, 1961, 20 cuốn), nhưng theo giáo sư Yampolsky thì bộ "Bộ sách Toàn Đường văn" được biên soạn vào năm 1814 và sử dụng tạp nhạp tất cả những tài liệu **một cách bừa bãi**, và nhiều tài liệu đã được viết ra sau này và rất gần đây, thành ra không thể tin vào giá trị của những tài liệu ấy" (Yampolsky, op. cit., trang 31). Sau khi khảo xét rất kỹ lưỡng tất cả

tài liệu liên quan đến Huệ Năng trong bộ Toàn Đường văn, Yampolsky phải đi đến kết luận rằng tất cả đều là ngụ tạo (op. cit., trang 59). Sau khi đã duyệt qua hàng ngàn tài liệu Trung Hoa và Nhật Bản, cùng những tài liệu khai quật ở Đôn Hoàng, Yampolsky đi đến kết luận rằng: "Chúng ta không có được những dữ kiện nào về Huệ Năng cả... **(For Hui-Neng we have no facts...)**" op. cit., trang 60). "Chúng ta chỉ có thể kết luận rằng thực ra gần như không có gì để chúng ta có thể nói **thực sự** về Huệ Năng" ("We may only conclude that there is infacts, almost nothing that **we can really say about him**", op. cit., trang 69). Theo Yampolsky, chúng ta chỉ biết chắc có một điều là có một người tên là Huệ Năng, một thiền sư có đôi chút tiếng tăm đương thời và sống đâu đó ở vùng miền Nam Trung Hoa".

Theo Yampolsky, chỉ có hai tài liệu đáng tin cậy: thứ nhất là Lăng Già sư tử ký (khai quật ở Đôn Hoàng), và tài liệu này chỉ nhắc đến tên Huệ Năng như là một trong mười học trò của Hoảng Nhân, **chỉ thế**



**thôi và không có ghi chép sự kiện gì khác;** tài liệu thứ

hai là bia ký của thi hào Vương Duy vào khoảng năm 740. Còn tất cả những tài liệu khác đều do những thời đại sau ngụ tạo. Trong bia ký của thi hào Vương Duy mà Yampolsky đã trích dịch ở trang 66-67 (op. cit.), chúng ta chỉ thấy Vương Duy ghi rằng: "Nơi quê quán

của Thiên sư Huệ Năng không ai biết. Thiên sư sinh sống ở **một thôn làng mọi rợ**. Khi trẻ, học đạo với Hoảng Nhân, thiên tài của ngài được Ngũ Tổ ghi nhận và được trao truyền y pháp; Ngũ Tổ bảo ngài phải lìa bỏ (tức là lìa bỏ đất Trung Hoa), và trong mười sáu năm, ngài sống ẩn trốn với phường buôn bán dân ngu khu đen (tức là phường dân ngu khu đen ở Việt Nam). Từ hai dữ kiện lịch sử trên và dựa theo tất cả những bản khác nhau của Pháp Bảo Đàn kinh, và loại bỏ tất cả những gì có tính cách thần thoại hay truyền thuyết (và ngay cả bản Đôn Hoàng Pháp Bảo Đàn kinh chỉ được chép vào năm 830-860, gọi là do Pháp Hải ghi lại, chưa hẳn là nguyên bản của Pháp Bảo Đàn kinh mà những học giả Nhật cho rằng đã có một nguyên bản khác đã được viết vào khoảng năm 713-714 sau khi Huệ Năng viên tịch, bản này đã mất và chưa tìm lại được); dựa vào tất cả những dữ kiện kiểm chứng được, chúng ta chỉ có thể có những kết luận sau đây:

- Huệ Năng là người Việt Nam, sinh ở Lĩnh Nam
- Lĩnh Nam là đất Việt Nam (ngày xưa Lương Quảng: Quảng Đông và Quảng Tây cũng thuộc Việt Nam). Ngay đến Yampolsky cũng đã chú thích rất rõ: "Lĩnh Nam là những vùng ở Quảng Đông, Quảng Tây, và miền **"Bắc Đông Dương Việt Nam"** ("Ling-nan

indicates the areas of Kwangtung, Kwangsi, and **Northern Indochina**", op. cit., trang 126). Còn địa danh "Nam Hải" ghi trong tất cả những bản Pháp Bảo Đàn kinh thì theo Yampolsky đó là Phiên Ngung, tức là thuộc lãnh thổ Việt Nam ngày xưa (xin đọc Trần Trọng Kim, Việt Nam sử lược, trang 37: "Triệu Đà đánh được An Dương vương, sát nhập nước Âu Lạc vào quận Nam Hải, lập thành một nước gọi là Nam Việt, tự xưng làm vua, tức là Vũ vương, đóng đô ở Phiên Ngung").



Ngoài ra, còn một điểm đáng lưu ý mà Yampolsky đã nêu ra: Bài thuyết pháp quan trọng nhất của Huệ Năng là ở chùa Đại Phạm, nhưng theo Yampolsky thì, không ai có thể truy tìm cho ra chùa Đại Phạm ở đâu, chỉ biết chùa ấy còn có tên là chùa Báo Ân. Ngôi chùa quan trọng nhất, nơi xảy ra bài thuyết

pháp quan trọng nhất của Huệ Năng và là nội dung quan trọng nhất của tất cả các bản Pháp Bảo Đàn kinh mà không có học giả nào truy ra được địa điểm đích xác, đang khi đó, một sự kiện lạ lùng, là chúng ta đã thấy cái tên chùa Báo Ân rất nhiều lần trong quyển Việt Nam Phật giáo sử luận của Nguyễn Lang, cuốn 1, trang 342 và 344; và điều lạ lùng nhất trong lịch sử Phật giáo Việt Nam: trong Thiền phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi có hai tên khuyết lục vào thế kỷ thứ năm và thế kỷ thứ sáu, vào thế kỷ thứ VII và thế kỷ thứ VIII, đồng thời với Huệ Năng và Thần Hội (mà Thần Hội ở chùa Hà Trạch, Hà Trạch nào, phải chăng là Hà Trạch ở Lạc Dương hay Hà Trạch ở Việt Nam?), vì trong Lĩnh Nam chích quái có ghi rằng: "Thiền sư Không Lộ kết làm đạo hữu với Giác Hải, lần đến chùa Hà Trạch nương thân..." (trang 90). Và riêng về tài liệu Phật giáo Việt Nam có một nghi vấn mà chưa ai trả lời được và còn ghi lại trong Việt Nam Phật giáo sử luận của Nguyễn Lang (trang 224 và 98): có hai hệ phái Đại Điền và Bát Nhã không được chép vào lịch sử những thế hệ truyền thừa.

Chúng ta cũng nên nhớ rằng Huệ Năng và Thần Hội thuộc vào hệ phái Bát Nhã và chống lại hệ phái Lăng Già của Thần Tú và Phổ Tịch. Có một điều đáng nói hơn nữa, đang khi Huệ Năng đương thời không được người Trung Hoa biết đến, và mãi sau đến sự xuất hiện hoàng pháp của Thần Hội (sau khi Huệ Năng đã chết lâu rồi) thì ảnh hưởng của Huệ Năng lớn mạnh như vũ bão quét sạch tất cả tông phái khác ở đất Trung Hoa, đang khi ấy nước Trung Hoa không có một tổ đình nào mang tên là Lục Tổ thì trái lại tại Việt Nam đã có một tổ đình rất lâu đời, mang tên là Tổ đình Lục Tổ (xin đọc Nguyễn Lang, trang 218, trang 98, trang 101). Như trong Việt Nam Phật giáo sử luận thì Tổ đình Lục Tổ đã có tới trên 400 năm, tính kể từ cuối thế

kỷ thứ XII, tức là Tổ đình Huệ Năng đã có từ thế kỷ thứ VIII, thời đại của Huệ Năng (Huệ Năng viên tịch vào thập niên đầu thế kỷ VIII, tức khoảng năm 713) (Nguyễn Lang, op. cit., trang 101). Thiền sư Thần Hội, đệ tử của Huệ Năng chỉ xuất hiện ở những kinh đô Trung Hoa để vũ bão quét sạch tất cả những tông phái Thiền của Phổ Tịch (đệ tử Thần Tú) và lấy lại ngôi vị Lục Tổ cho Huệ Năng, bắt đầu từ năm 732, và Thần Hội đã chiến thắng vẻ vang rực rỡ và mất đi vào năm 758 hay 760, thì đang lúc đó ở Việt Nam đã có một tổ đình mang tên là Lục Tổ.

Còn một điều nữa là quyển Nam Tông tự pháp đồ (ghi lại lịch sử truyền thừa của Phật giáo Việt Nam) đã bị mất, và chính mấy chữ "Nam Tông" đáng cho chúng ta lưu ý, vì mấy chữ ấy chỉ xuất hiện với sự xuất hiện của Thần Hội vào khoảng từ năm 732 trở đi. Còn một điểm lịch sử vô cùng quan trọng đáng cho chúng ta suy nghĩ: "Thiền sư Việt Nam La Quý An quyển góp tài sản và đúc một tượng Lục Tổ bằng vàng, chôn ở gần tam quan để khỏi bị trộm cắp, dặn rằng khi nào có bậc minh vương ra đời để giúp dân cứu nước thì đào lên". Đây có ngụ ý chính trị gì đối với dân tộc Việt Nam lúc ấy, và nhất là một điểm khác sau đây: "Ngày Lý Công Uẩn được suy tôn hoàng đế trong cung thì Thiền sư Vạn Hạnh đang ở chùa Lục Tổ (đọc Nguyễn Lang, op. cit., trang 243-24). Nơi đây chứa đựng những bí mật nào về lịch sử của dân tộc mà chúng ta không còn để ý tới? Nhất là phải cần nhớ rằng Huệ Năng là đại diện cho ý thức độc lập của Việt Nam chống lại Trung Hoa, chẳng những về phương diện đạo lý mà còn đại diện ý thức độc lập tự chủ chính trị của chính trị Việt Nam đối với Trung Hoa; chúng ta phải cần nhớ lại rằng Thần Hội đã bị triều đình Trung Hoa bắt giam và lưu đày vì bị kết án là "muốn âm mưu chính trị có hại cho chính quyền Trung Quốc". (cf. Yampolsky, op. cit., trang 36). Và chính Thần Hội đã tạo ra vai trò Bồ Đề Đạt Ma (truyền thừa y bát của Bồ Đề Đạt Ma cho đến Huệ Năng) và cũng chính Thần Hội lật đổ vai trò tối ưu quan trọng của Thần Tú và Phổ Tịch (đệ tử Thần Tú) lúc bấy giờ và giành lại ngôi vị Lục Tổ cho Huệ Năng và đưa Thiền Việt Nam của Huệ Năng thống trị cả Phật giáo Trung Hoa. Đây không phải chỉ là sự chiến thắng về mặt ý thức đạo lý Việt Nam mà cũng là sự chiến thắng của tư tưởng Bát Nhã đối với tư tưởng Lăng già (của phái Lăng Già tông, tức là tất cả trường phái Thiền Trung Quốc đương thời mà đại diện là Pháp Như, Thần Tú và Phổ Tịch). Tất cả bản kinh khác nhau của Pháp Bảo đàn kinh đều xác nhận hai điều quan trọng:

- Thứ nhất: **Huệ Năng không biết đọc và không biết viết chữ Tàu.**

- Thứ hai: **Huệ Năng sinh trưởng tại Lĩnh Nam và hoàng pháp chung quanh vùng Nam Hải, tức là Phiên Ngung (thuộc lãnh thổ Việt Nam thời đó).**

Và điều quan trọng là tất cả các bản khác nhau của Pháp Bảo Đàn kinh đều còn giữ lại ít nhất hai lần, nếu không muốn nói là năm sáu lần những câu đại loại sau đây đề **chứng tỏ Huệ Năng không phải là người Hán tộc mà là người Việt Nam:**

- Hoàng Nhấn mắng Huệ Năng: "**Mi là dân Lĩnh Nam, vốn là đồ mọi rợ, làm thế nào thành Phật được?**" (phân đoạn 3, bản Đôn Hoàng).

- "**Thực không ai ngờ nơi đất Lĩnh Nam lại được phúc có Phật sinh ra nơi ấy**" (phân đoạn 37, bản Đôn Hoàng).

Mấy chữ "đồ mọi rợ" ở đây là dịch mấy chữ chữ thê ở đời Đường "**các lão**" mà Yampolsky đã chú thích như sau: "**Ko-lao**" (các lão) là một tiếng mắng chữ, có nghĩa là dân dã man, gần như súc vật ở phương Nam nước Trung Hoa (tức là Việt Nam)" (op. cit., trang 127).



Chỉ nội mấy chữ "các lão" trên cũng đủ để chứng minh Huệ Năng không phải người Trung Hoa mà là người Lĩnh Nam. Và riêng mấy chữ "Lĩnh Nam", chúng tôi xin trở lại Lĩnh Nam chích quái: theo giáo sư Lê Hữu Mục, dịch giả Lĩnh Nam chích quái thì "Lĩnh Nam chích quái còn mang nhiều giá trị lịch sử, lịch sử về vang của tổ tiên trong công cuộc xây dựng đất nước" (trang 28). Từ đó, chúng ta có thể kết luận rằng: Nếu nói

Lĩnh Nam là của Trung Hoa thì chúng ta phải bồi hết Lĩnh Nam chích quái và phải bồi hết "lịch sử về vang của tổ tiên trong công cuộc xây dựng đất nước" (Lê Hữu Mục). Nếu có người Việt Nam nào lên tiếng nói rằng Huệ Năng người đất Lĩnh Nam là người Trung Hoa, thì tôi phải kết luận rằng "người Việt Nam" ấy cho tới thế kỷ thứ XX vẫn chấp nhận "sự Bắc thuộc lần thứ ba" của Trung Hoa, vì lúc đó vào thời Huệ Năng, chúng ta bị coi như lệ thuộc Trung Hoa.

Mặt khác, nếu có người Trung Hoa nào muốn chứng minh Huệ Năng là người Trung Hoa thì phải bồi mấy chữ "các lão" và "Lĩnh Nam" trong tất cả những bản Pháp Bảo Đàn kinh được chép ra liên tiếp trong mười ba thế kỷ.

Giữa những khó khăn lớn lao đang xảy đến cho Giáo hội Phật giáo Việt Nam tại quê hương, giữa những ngày khó khăn trong thời gian phải đối diện và hóa giải những thử thách gay gắt dành cho Tổng hội Phật giáo Việt Nam tại Hoa Kỳ mà tôi là đại diện lãnh đạo, mỗi khuya tôi đã thức dậy tụng kinh Lăng Nghiêm, sau đó, tôi đã kiên nhẫn âm thầm yên lặng trong ba tháng An cư kiết hạ ngồi dịch lại tiếng nói của ngài Huệ Năng, trả lại tiếng nói của ngài về đúng tiếng mẹ đẻ của ngài: tiếng Việt Nam, để cho tất cả chúng ta, những người Phật tử Việt Nam ở hải ngoại, trong tình cảnh sống tha phương trên đất khách, được nghe lại tiếng nói của hồn Dân tộc và Đạo pháp, tiếng nói của một thiên tài vĩ đại nhất Việt Nam và một trong những thiên tài tâm linh lớn nhất của nhân loại. Dù bất cứ chúng ta lưu lạc ở phương trời nào, mỗi khi chúng ta không quên được tiếng nói của quê hương, tiếng nói suối nguồn trong khiết của đạo lý, thì "**chính thân thể mình là quê hương**" như ngài Huệ Năng đã nói, và dù có ai đã đem vô minh đen tối đến cho quê hương và đạo pháp, nhưng chơn lý vẫn luôn luôn chiến thắng như ngài Huệ Năng đã nhấn lại với chúng ta: "**Cũng như một ngọn đèn có thể trừ được một ngàn năm bóng tối thì một ánh sáng của trí tuệ cũng có thể diệt được một vạn năm ngu si đen tối**".

Los Angeles, ngày 1 tháng 9 năm 1985  
Hòa thượng THÍCH MÃN GIÁC

(\*) Theo học giả Hajime Nakamura, vũ nhạc triều đình Nhật Bản (tên Nhật là bungaku hoặc gagaku) đã được du nhập vào Nhật Bản cách đây 1.200 năm do một thiền sư Việt Nam tên là Phật Triệt. Đó thật là một trong những kỳ quan của nhân loại (one of wonders of the world). Người Nhật đã hãnh diện chí lý về nghệ thuật này mà họ đã gìn giữ được qua bao nhiêu thế kỷ (cf. Hajime Nakamura, *Contribution of Eastern Thought and Buddhism to world culture*, Vạn Hạnh Bulletin, Vol.V, Number 2, June, 1973, trang 157).

Theo học giả Nhật Kyōshō Hayashima thì Thiền sư Phật Triệt đã dạy nhạc Việt Nam ở Học nhạc viện Hoàng gia Nhật, vũ nhạc tên là rinyū-hachiraku, và Thiền sư Phật Triệt dạy chữ Phạn cho Tăng sĩ Nhật (cf. *Encyclopedia of Buddhism*, Vol.III, 1972).

## Tiền Thầy đi

„Mái chùa che chở hồn dân tộc  
Nếp sống muôn đời của tổ tông“

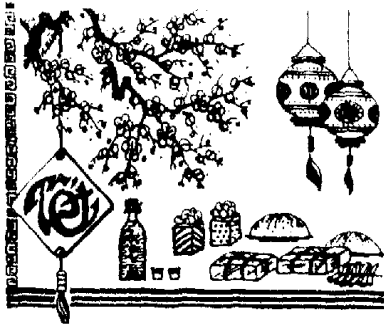
Nét chữ xưa Thầy còn in bóng  
Huyền Không nay trở về kén không

Thầy đi thong thả một kiếp người  
Vô thường như gió thoảng mây trôi  
Kính dâng Thầy nén trăm hương  
Con tiền Thầy đi một đoạn đường.



Quảng Thọ  
(Kính dâng Giác linh  
HT Mãn Giác)

# Ăn Tết



# Ăn Chay hay Ăn Mặn?

LTS: Bài viết của Thầy Chân Tuệ được diễn đạt dưới hai dạng văn. Dạng thứ nhất dùng thể vè 4 chữ (như số Táo quân, chữ nghiêng), và dạng thứ hai dùng thể văn xuôi bình luận (chữ ngay). Sen Trắng xin được đăng in theo đúng ý tác giả.

**T**hời gian qua mau, năm ta sắp hết, tết ta sắp đến. Mọi người chúng ta, nhất là những người, đang sống tha hương, thấy đều nôn nao, chuẩn bị ăn Tết. Đón xuân năm mới, dù là mùa xuân, trong tiết giá lạnh. Ở nơi xứ người, lại càng thăm thía, nhớ tết quê hương biết là bao nhiêu!

Ngày tết Nguyên đán, phong tục tập quán, quen thuộc từ xưa, ở trong đó có, thói quen ăn chay, trong ngày đầu năm, mừng một tết ta, hay ba ngày tết, cầu phước trọn năm, dù là Phật tử, hay không Phật tử. Trước đây không biết, kinh sách nào ghi điều này hay không? Người ta giải thích: Ngày tết vui chơi, nơi nơi mở hội, có nhiều thức ăn, hấp dẫn đặc biệt, dĩ nhiên đó là, các thức ăn mặn, thường ngày vẫn dùng, người nào "nhịn" được, lại chịu ăn chay, ngày một ngày hai, phải có phước báu, đặc biệt không sai.

Tuy nhiên nhiều người, không quen ăn chay, nhưng cũng phát tâm, trong ngày mừng một, nhưng ráng thức khuya, ngồi chờ đồng hồ, điểm sang mừng hai, bay ra ngã mặn!

Việc ăn việc uống, trong cuộc sống này, chính là vấn đề, lưu tâm hàng đầu. Nếu như con người, không cần ăn uống, chắc là trên đời, không chuyện tranh cãi, đấu tranh giành giật, không có chiến tranh, thế giới thanh bình, cuộc sống nhân loại, vui tươi hạnh phúc.

Nhân dịp ăn tết, chúng ta thử bàn, qua việc ăn chay, hay là ăn mặn, để hiểu cho rõ, chủ trương đạo Phật, trong vấn đề này, ngõ hầu đem lại, lợi ích thiết thực, ngay trong đời sống.

Trong phạm vi đạo Phật, việc ăn chay hay ăn mặn thường gây thắc mắc, tranh luận đúng sai, nên hay không nên, cho khá nhiều người. Ăn mặn là từ ngữ chỉ việc ăn uống thông thường, bình thường, thường nhứt của bất cứ người nào trên thế gian, không quan hệ với bất cứ sắc tộc, văn hóa, phong tục, tập quán, hay tín ngưỡng nào. Nói một cách khác: Ăn mặn có nghĩa là ăn tất cả các loại thực phẩm có thể ăn được, trên trái

đất này, bao gồm thịt động vật, trứng, sữa, và các loại thực vật, rau cải trái cây.

Ăn chay là từ ngữ có nhiều nghĩa khác nhau, tùy theo địa phương, phong tục, tập quán, hay tín ngưỡng. Có nơi, ăn chay có nghĩa là: không ăn thịt heo, hay cừ thịt bò. Có nơi, ăn chay có nghĩa là: không ăn các loại thịt động vật sống trên mặt đất, nhưng có thể ăn các loại thịt sinh vật sống ở dưới nước. Theo đạo Phật, nói một cách đơn giản, ăn chay có nghĩa là: ăn tất cả các thức ăn, thực phẩm không có liên quan đến mạng sống của chúng sinh. Nhiều người hiểu lầm chữ ăn chay là ăn trai. Ăn trai là bữa ăn theo giờ giấc. Thí dụ: ngọc trai là bữa ăn theo giờ ngọc, trai đường là nơi dùng các bữa ăn theo giờ giấc qui định, không ăn phi thời. Nói chung, ăn chay có hai lý do chính: Một là, vì lý do phong tục, tập quán, hay tín ngưỡng; Hai là, vì lý do sức khỏe.

Theo các nhà dinh dưỡng học, muốn có một cuộc sống đầy đủ sức khỏe, muốn có đủ năng lực hoạt động trong cuộc đời, chúng ta phải lưu tâm đến việc ăn uống điều độ, và đầy đủ chất dinh dưỡng. Sách có câu: "Tinh thần minh mẫn trong thân thể tráng kiện". Chúng ta thường được chỉ dẫn, nên theo một chế độ ăn uống thích hợp, với bao nhiêu phân lượng chất đạm, chất xơ, chất bột, chất béo, chất ngọt, chất khoáng, chất vôi, chất sắt, chất nước, và các loại sinh tố, trong một ngày, để cơ thể có đủ năng lực hoạt động, một cách tốt đẹp, và sống lâu trăm tuổi, một cách khỏe mạnh.

Theo các báo cáo khoa học, rau cải, ngũ cốc, hoa quả, thực vật, cũng đầy đủ chất dinh dưỡng cho sức khỏe, cho nhu cầu sinh hoạt hằng ngày, trong đời sống của con người. Các người ăn chay vẫn sống khỏe, sống thọ, không khác những người ăn mặn. Trong số các thú vật, như con voi, con tê giác, con trâu, con bò, con ngựa, là những con thú ăn thực vật, thảo mộc, nhưng rất khỏe mạnh, không khác các loài thú ăn thịt, như sư tử, cọp, gấu, beo. Ăn chay có ích lợi cho sức khỏe, như dễ tiêu hóa hơn, ít gây bệnh tật hơn. Trên thế giới ngày nay, tây phương cũng như đông phương, số người ăn chay vì lý do sức khỏe, theo khuyến khích của giới y sĩ, ngày càng nhiều hơn, và số người ăn chay vì lý do tín ngưỡng, cũng gia tăng nhiều hơn. Những người ăn chay, vì lý do sức khỏe, cũng như lý do tâm linh, thường hiền lành hơn, ít náo động hơn, tâm tánh dễ dãi hơn, nhưng vẫn sinh hoạt bình thường, như bao nhiêu người khác. Những người chung quanh thường cảm thấy an tâm hơn, khi sống gần gũi người ăn chay hiền lành. Những con thú chỉ ăn thực vật thảo mộc, không bao giờ sát hại các sinh vật khác, không gây sợ hãi cho các loài vật sống gần bên.

Ăn chay thuộc phần tu tướng, bên ngoài. Nếu những người phát tâm ăn chay, vì lòng từ bi, không cứ phải là người theo đạo Phật, thường cảm thấy an vui lợi lạc, và nhẹ nhàng hơn, dễ cảm thông với các loài sinh vật khác, và yêu mến thiên nhiên hơn, cảm nhận được vũ trụ vạn vật đều đồng nhứt thể. Đó là phần tu

tâm, bên trong. Tu theo đạo Phật cần hội đủ hai phần: tu tướng và tu tâm.

**Tại sao chúng ta nên ăn chay? Người tu theo đạo Phật có nhất định ăn chay hay không?**

Như trên chúng ta đã biết, ngoài những ích lợi về phương diện sức khỏe thể chất, ăn chay trong đạo Phật còn có những ích lợi về phương diện tâm linh, mục đích cốt yếu là: "Tránh nghiệp sát sinh và trường dưỡng tâm từ bi". Người tự nguyện phát tâm ăn chay vì tâm từ bi vô lượng, coi muôn loài như bản thân mình, không thích giết hại một sinh vật nào, không muốn nhìn thấy một sinh vật nào đau khổ, để thỏa mãn dục vọng của con người. Ăn chay còn tạo phước, vì nhờ đó giúp cho các sinh vật thoát khỏi cảnh cá chậu chim lồng, sống bị giam cầm khốn khổ, đầy đọa trong địa ngục trần gian, chờ ngày giờ chết đốn đau. Lòng từ bi của những người ăn chay, biết thương yêu loài người, lan rộng đến các loài sinh vật. Họ hiểu biết rằng các loài sinh vật đều ham sống sợ chết, đều bình đẳng trước sự đau khổ, khi bị sát hại, cũng như loài người, không khác.



*Không phải ăn chay, may ra thành Phật! Hoặc là ăn chay, với tâm mong cầu: Được sống khỏe hơn, tuổi thọ lâu hơn, được lên thiên đàng, hưởng phước đời đời, mời về cực lạc, đạt được ước mơ! Tại sao như vậy? Bởi vì nên biết: Con trâu con bò, con lừa con ngựa, chỉ vì nghiệp báo, cũng là ăn chay, chỉ biết ăn cỏ, không ăn thịt được, thế nhưng đời sống, khốn khổ khốn nạn, biết là bao nhiêu! Càng không phải là: Cố gắng ăn chay, tính hay khoe khoang, khắp cả xóm làng, mang lòng kiêu ngạo, tạo bao khẩu nghiệp, rửa xả dè bieu, phỉ báng tàn mạt, những người chưa biết, tại sao ăn chay, hoặc là những người, chưa thể ăn chay, bởi nhiều lý do. Cũng không phải là: Ăn chay cầu danh, muốn được mọi người, tán thưởng khen ngợi. Người ăn chay trường, khinh người chay kỳ, người ăn chay kỳ, khi người không chay.*

Tâm của những người như vậy chưa thanh tịnh, còn quá loạn động, lăng xăng lộn xộn, còn thích hơn thua, mua danh kiếm tiếng, khiến người không ưa, ngay trong đồng đạo, đồng môn đồng bào, cả với đồng loại, thử hỏi làm sao, có thể gặp Phật, có thể thành Phật?

Con người đến với đạo Phật vì Chánh pháp vì diệu thâm thâm là người có trí tuệ. Chánh pháp có thể giúp đỡ con người giác ngộ, thoát ly sanh tử luân hồi, thanh tịnh hóa tâm trí, thân an tâm lạc, đạt được cuộc sống an lạc và hạnh phúc hiện đời, chứ không phải đạo Phật đơn thuần chỉ là đạo ăn chay.

Trong Kinh Pháp Bảo Đàn, Lục Tổ Huệ Năng có dạy: "Muốn học đạo Vô Thượng Bồ Đề, chẳng nên khinh dễ hàng sơ học. Có kẻ dưới bực thấp mà thường phát sinh trí tuệ rất cao, cũng có người trên bực cao mà thường chôn lấp lý trí của mình. Nếu khinh dễ người, ắt có tội vô lượng vô biên". Trên thế gian này, không ai hơn ai cả! Tất cả mọi người với chư Phật bình đẳng,

không khác, con người chỉ khác ở chỗ mê ngộ không đồng, nghiệp báo khác nhau, cho nên hình tướng bên ngoài của con người khác nhau. Đây chính là ý nghĩa của lời Đức Phật dạy trong Kinh Hoa Nghiêm: "Nhứt thiết chúng sanh giai hữu Phật tánh". Nghĩa là: Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, còn gọi là tánh giác. Kinh sách thường dạy: "Phật và chúng sanh tánh thường rỗng lặng", chính là nghĩa như vậy. Người nào có tâm cố chấp, bất cứ thứ gì xây đến, đều gây phiền não khổ đau. Khi nào họ thức tỉnh, xả bỏ tâm cố chấp, tức nhiên được giác ngộ, giải thoát khỏi những phiền não khổ đau, sống được trong cảnh giới an lạc và hạnh phúc, mặc dù cảnh đời vẫn tiếp tục còn nhiều bất trắc, sóng gió, và thăng trầm.

*Có người ăn chay, thường hay đối xử, với người chung quanh, gần như vợ chồng, ông bà cha mẹ, anh em con cháu, Xa hơn một chút, hàng xóm láng giềng, đồng nghiệp đồng môn, nói chung đồng loại, nhân loại loài người, một câu lỡ lời, thì họ nhứt định, không chịu bỏ qua, thứ tha lỗi người. Họ rất sẵn sàng, thưa gửi kiện tụng, vu khống cáo gian, đặt điều thêm bớt, bới bèo ra bọ, vạch lá tìm sâu, làm cho người khác, te tua toi tả, tan tành hoa lá, khốn khổ khốn nạn, họ mới thỏa mãn, hả dạ hài lòng, mới thiết vừa ý!*

Một câu nói của họ đủ khiến cho người khác chóng mặt nhức đầu, xúc dầu cù là, hoặc là cạo gió, ngắt xiu hụt hơi, có người hết thở, bị đuổi sở làm! Họ rất sẵn sàng, loại bỏ đồng môn, khai trừ đồng đạo, ám hại đồng bào, cáo nhà đồng nghiệp, chỉ vì đồng tiền, liền bên núm ruột!

Thực vậy, vì con người không có tâm từ bi thực sự, trong đạo cũng như ngoài đời, miệng thì nói tiếng nam mô, trong lòng chứa cả một bồ dao găm, con người còn ám hại con người, con người còn ganh tỵ đố kỵ con người, con người còn muốn thấy người khác đọa địa ngục, vì không cùng tôn giáo, không cùng môn phái, không cùng pháp tu, không đồng quan điểm hay vấn đề nào đó. Thì thử hỏi làm sao, có thể ban vui, cứu khổ muôn loài?!

*Thói thường trên đời, trong đạo không khác, kẻ mạnh hiếp yếu, người có thế lực, chèn người có thế, kẻ giàu tiền của, đàn áp các người, nghèo khó khốn cùng, cá lớn nuốt bé, lấy thịt đè người, cười người sơ cơ, nằm mơ cực lạc, xuyên tạc người hiền, làm tiền đồng đạo, người vào tu trước, không rước người sau, thử hỏi làm sao, ở thế gian này, trong đạo ngoài đời, có được hòa bình, an vui lợi lạc!*

Trong đạo Phật, nói chung, có hai hệ phái: hệ phái nguyên thủy và hệ phái phát triển. Hệ phái nguyên thủy, còn gọi là nam tông, chủ trương giữ y nguyên truyền thống Phật giáo, từ thời nguyên thủy, cho nên quý sư là các vị khát sĩ, mang bình bát đi khát thực, thiên hạ bố thí cúng dường vật thực gì, các Ngài dùng như vậy, không chọn lựa. Các Ngài vẫn khỏe mạnh,

ting tấn tu hành, và đạt đạo chứng đạo. Đó là hệ phái truyền từ miền nam nước Ấn Độ, sang Tích Lan, Thái Lan, Miến Điện, Ai Lao, Cao Miên. Phật giáo ở các quốc gia này đều là quốc giáo.

Hệ phái phát triển, còn gọi là bắc tông, truyền từ miền bắc nước Ấn Độ, sang Tây Tạng, Trung Hoa, Việt Nam, Triều Tiên và Nhật Bản. Khi Phật giáo du nhập vào các quốc gia này, tùy thuận văn hóa sở tại, nên dễ dàng hội nhập một cách hòa bình, và phát triển một cách nhanh chóng trong lòng các dân tộc đó, biến thành Phật giáo địa phương, đem lại an lạc và hạnh phúc cho người dân bản xứ. Chẳng hạn như: Phật giáo Trung Hoa, Phật giáo Việt Nam, Phật giáo Tây Tạng, Phật giáo Triều Tiên, Phật giáo Nhật Bản, đều có những nét đặc thù riêng của từng nơi. Ở các quốc gia này, chỉ trừ Việt Nam có cả hai hệ phái cùng du nhập vào, chư Tăng Ni không đi khát thực, trụ xứ tại một tu viện, hay một ngôi chùa, tự lo việc ăn uống. Cho nên các Ngài ăn chay, chỉ nhận cúng dường và dùng các thức ăn, không có liên quan đến mạng sống của các sinh vật. Các Ngài vẫn khỏe mạnh, tinh tấn tu hành, và đạt đạo chứng đạo.

Điều đó chứng tỏ rằng, vấn đề ăn uống nói chung, ăn chay hay ăn mặn nói riêng, không phải thực sự là vấn đề tối quan trọng trong đạo Phật, cũng không phải là vấn đề trực tiếp liên quan đến sự tinh tấn tu hành, và đạt đạo chứng đạo. Điều quan trọng trong đạo Phật chính là: Tâm trí có dính mắc hay không dính mắc cảnh trần. Nếu tâm không dính mắc, chính là tâm thanh tịnh vậy. Chư Tổ có dạy: "Đối cảnh vô tâm, mặc vấn thiên". Nghĩa là: Con người sống trên đời, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý, thường xuyên tiếp xúc với các hình ảnh, âm thanh, mùi hương, mùi vị, xúc chạm và ký ức. Khi con người tiếp xúc với các trần cảnh như vậy, dính mắc tức là: khởi tâm niệm thương hay ghét, khởi tâm niệm ưa thích hay tức giận, khởi tâm niệm khen hay chê, đều gọi là loạn tâm, là vọng tâm. Không khởi các tâm niệm phân biệt như vậy, gọi là định tâm, hay tâm thiền định. Tức là: Khi đối trước các cảnh trên trần đời, người nào không khởi tâm niệm lăng xăng lộn xộn, gọi là vô tâm, thì chính người đó sống trong cảnh giới thiền định. Đây là cốt tủy, là mục đích cứu kính của đạo Phật vậy.

Là những người hướng dẫn hàng Phật Tử tại gia, chư vị Tôn Đức Tăng Ni giữ gìn giới luật một cách nghiêm ngặt, tránh phạm sát giới, không muốn sát sinh, nên phải ăn chay, tuyệt đối không dùng các thức ăn có liên quan đến mạng sống của các sinh vật, để trường dưỡng tâm từ bi. Tâm từ bi là điều kiện hàng đầu của người tiến tu theo đạo Phật. Làm tổn hại mạng sống của chúng sinh, làm tổn hại an ninh hạnh phúc của người khác, làm tổn hại thanh danh của người khác, tức làm tổn hại tâm từ bi của chính mình.

Trong cuộc sống hằng ngày, người Phật Tử tại gia hay xuất gia luôn luôn nhớ thực hành hạnh từ bi, bình

đẳng và lợi tha, trong mỗi hành động, lời nói và ý nghĩ. Cổ nhân có nói: "Nhứt thiết chúng sinh vô sát nghiệp, hà sâu thế giới động đao binh". Nghĩa là: Nếu tất cả chúng sinh không sát hại lẫn nhau, thì lo gì thế giới có chiến tranh.

Còn đối với hàng Phật Tử tại gia, người nào phát tâm ăn chay trường được, thì thực là đáng quý, đáng trân trọng. Đó là nhân duyên tốt để tiến tu trên đường đạo, rất đáng khuyến khích. Tuy nhiên, đối với những người, không ăn chay trường, lý do hoàn cảnh, lý do sức khỏe, cũng đừng cố chấp, hấp tấp gây thêm, rắc rối lung tung, ở trong gia đạo, có thể ăn chay, vài ngày trong tháng, với mục đích là: nhắc nhở chính mình, phải luôn luôn nhớ, những lời Phật dạy, áp dụng hằng ngày, tu tâm dưỡng tánh, cũng thực rất tốt.

*Tự nhắc nhở mình: tu là phải hiền, phải có từ bi, đối với tất cả, mọi loài chúng sinh, bắt đầu loài người, cho đến loài vật, từ người thân cận, đến người phương xa, mới là phải đạo.*



Người nào chưa thể ăn chay được theo nghĩa đen, vì lý do sức khỏe, vì lý do hoàn cảnh, hay vì bất cứ lý do nào, có thể "ăn chay" bằng cách giữ gìn ba nghiệp (thân, khẩu, ý) thanh tịnh. Nghĩa là: thân không sát sinh, không trộm cướp, không tà dâm, miệng không nói dối, không nói lời dua nịnh, không đâm bị thóc thọc bị gạo, không nói lời thô tục độc ác, xuyên tạc nguy hiểm, xiên xỏ xiên, tranh cãi liên miên, lợi mình hại người, khen mình khinh người, ý không nghĩ cách vu oan giá họa, không lập mưu thừa gửi kiện tụng người, để kiếm tiền bồi thường, không tham tiền bất chánh bất nhân, không tức giận thù oán người, không chứa chấp lòng ganh tị đố kỵ người khác. Nói chung, không ăn chay được bằng phương tiện vật chất, người Phật Tử tại gia nên cố gắng, giữ gìn thân khẩu ý, cho được thanh tịnh, trong bất cứ thời điểm nào, tại bất cứ nơi đâu. Đó chính là tu tâm dưỡng tánh vậy.

Tóm lại, mục đích cứu cánh của đạo Phật, không phải chỉ là những buổi lễ cầu an, cầu siêu, cầu đoàn tụ, cầu đủ thứ chuyện trên trần đời. Cũng không phải chỉ là những hình thức bên ngoài như: đi chùa lễ Phật, hái lộc đầu xuân, lập chùa thiết to, lo pho tượng lớn. Chẳng hiểu nghĩa gì, bởi không tìm học, tìm đọc Chánh pháp, dù ở trong chùa, vài ba chục năm, tăng thêm chấp ngã, chấp pháp mà thôi. Tất cả những sự tướng kể trên, không phải là không cần thiết, không phải là không nên làm, không phải là vô bổ vô ích, một cách hoàn toàn. Nhưng, như vậy vẫn chưa phải là đủ, chưa phải là cứu cánh, chưa phải là cốt tủy của đạo Phật. Đó chỉ là cái vỏ bên ngoài, là vòng rào bên ngoài, khi mới đến với đạo Phật. Những người thờ Phật, đi chùa nhiều năm, hoặc ở trong chùa, cam tâm dừng lại, hình thức bên ngoài, không học hỏi thêm, như vậy thỏa mãn, cho là đủ rồi, thiệt là đáng tiếc!

Mục đích cứu cánh, của chính đạo Phật: Giác ngộ giải thoát. Vậy con người cần giác ngộ điều gì? Theo giáo lý đạo Phật, con người cần giác ngộ: cuộc đời là vô thường, luôn luôn biến đổi, tâm tánh là vô thường, nay vậy mai khác, tâm thân là giả tạm, nay còn mai mất. Hiểu biết và hành thâm luật nhân quả có thể gìn giữ bản tâm thanh tịnh. Bản tâm thanh tịnh giúp con người giải thoát khỏi phiền não khổ đau và sinh tử luân hồi.

Cổ nhân có dạy: "Ăn để mà sống chứ không phải sống để mà ăn". Do đó nhân dịp, năm hết Tết đến, ngoài chuyện ăn uống, ăn chay hay mặn, để giữ mạng sống, bồi dưỡng sức khỏe, chúng ta còn nhiều, chuyện khác để làm, đó là tu tâm, đó là dưỡng tánh, đem lại ích lợi, cho người cho đời, cho chính bản thân. Kính chúc chư vị, trọn một năm mới: an lạc hạnh phúc, giác ngộ giải thoát.

*Thích-Chân-Tuệ  
Cơ-sở Phật-học Tịnh-Quang Canada*

### "SÓNG THẦN ĐẾN VIỆT NAM???"

Đó là nguồn tin làm nhiều người lo ngại!!!

Đêm 26/12 rạng sáng ngày 27/12/2006, một trận động đất 7,5 độ richter đã xảy ra trong biên Đài loan. Trận động đất đã gây ra những đợt sóng thần đổ ập vào bãi biển phía Đông Nam đảo Đài Loan. Tuy nhiên do được cảnh báo trước, và nổi kinh hoàng của cơn sóng thần cách đây đúng 2 năm trước (26/12/2004) tại Nam Dương vẫn còn ám ảnh dân chúng, nên mọi người đã nhanh chóng di dời vào đất liền, do đó cơn sóng đã không gây thiệt hại về nhân mạng đáng kể, chỉ có 2 người chết, và làm bị thương 38 người, còn nhà cửa bị thiệt hại là điều không thể tránh khỏi. Và lại cơn sóng này không cao lắm, chỉ hơn 10 mét. Nhà cửa và đường xá thiệt hại không phải do sóng thần mà là do động đất nhiều hơn. Cùng ngày (27/12/2006), cơn sóng đã lan đến vùng biên Tây Bắc Phi luật tân, cũng chỉ thiệt hại tài sản, chứ không thiệt hại nhân mạng, vì người ta nghe đến hai tiếng "sóng thần", thì vắt giò lên cổ chạy lấy thân, già trẻ lớn bé cầm đầu chạy vào trong đất liền và những đồi cao. Cũng sáng 27/12, đồng bào ta tại các tỉnh Đà Nẵng, Nha Trang, Bà Rịa – Vũng Tàu, nghe báo động "có sóng thần Đài loan", vợ vội vài món đồ quan trọng và giấy tờ là "zọt" cho lẹ lên những vùng cao. Nhưng sau đó chừng 2 tiếng, thì chính quyền thông tin là "không có sóng thần", mọi người lục đục trở về. Hú hồn hú vía!!!

Tuy sóng thần không đến Việt Nam, nhưng do động đất cũng đã gây nghiêm trọng về những rối loạn trên mạng internet trong khu vực suốt hai ngày, trong đó có Việt Nam!!!!



*Nguyễn Mẫn*

Ngày xưa lúc còn ngồi tại ghế nhà trường Trung Học, trong chúng ta không mấy ai là không biết, không một lần nghe nói, hoặc làm bài luận văn luân lý câu ngạn ngữ Pháp "Lời Nói là BẠC, Im Lặng là VÀNG" (La parole est d'argent, le silence est d'or).

Xuất phát từ suy luận nông cạn, giữa cuộc đời, làm gì cũng đặt trên sự biến kể sở chấp, phân tích, tổng hợp, nghĩa đen, nghĩa bóng, hơn thua, sai đúng ..., dẫn chúng lời nói của thánh nhân để có giải pháp chung cuộc. Và cũng do sự sống hợp quần giữa xã hội mà ý niệm số đông thường được xem là đúng (nguyên tắc đa số), nên ý kiến, tinh thần sáng tạo, sự hiểu biết của cá nhân thường bị xem nhẹ (thiếu sự tôn trọng thiểu số). Tâm thức cộng đồng đã chi phối đến lối sống, lối nhận thức của cá nhân. Tập thể đa số nhận xét, suy nghĩ, đồng ý... thì cá nhân đành thúc thủ khuất phục, khó lòng có quyết định chống lại, bả chữa, sống riêng cho mình, vì mình. Hậu quả như thế nào chúng ta đã biết, và thảm trạng của cuộc đời cũng từ đó phát sinh.

Trở lại câu ngạn ngữ trên, Lời Nói có phải là Bạc, Im lặng có nhất thiết luôn luôn là Vàng hay không? Câu này nêu ra chỉ mang tính cách so sánh tương đối giá trị giữa Lời Nói và Im Lặng, để ứng dụng vào sự giao tiếp giữa xã hội. Phải chăng trong mọi việc làm chúng ta cần phải tinh tâm cẩn trọng, tìm hiểu với chánh tư duy thì sẽ bớt sai trái khi ứng dụng "Lời Nói là Bạc, Im Lặng là Vàng".

Về Lời Nói là Bạc (giá trị kinh tế không cao bằng Vàng) nhằm để khuyên người ta không nên nói nhiều vì càng nói nhiều, nói mau, lời nói sẽ thiếu suy nghĩ vì vậy mới có câu "Nên uốn lưỡi 7 lần trước khi nói", hay trong Phật Giáo dạy chúng ta nên thực hành Chánh ngữ, là một trong 8 con đường chân chánh để giải thoát con người khỏi phiền trần khổ đau. Nhất là tu học không phải là để chất chứa kiến thức, để hý luận, trở thành người học giả (trọng lý thuyết), mà chính yếu là phải có tri hành hợp nhất, ngôn hành tương ưng (hành giả).

Về Giới hạnh của người Phật Tử tại gia và xuất gia, kinh luật đều có đề cập đến giới không nói dối và hạnh thanh tịnh.

Riêng Gia Đình Phật Tử, Nội Quy cũng đã ghi rõ luật của ngành Thanh, Thiếu (nam nữ) và Huynh Trưởng, điều 4 "Phật Tử trong sạch từ thể chất đến tinh thần, từ lời nói đến việc làm" và hạnh thanh tịnh ... đã nói lên tầm mức quan trọng của hạnh nguyện ba nghiệp hằng thanh tịnh.

Và lại lời nói cũng chỉ là danh xưng (Diệc danh vi giả danh), chỉ là khái niệm bao quát mơ hồ, không diễn tả thâm diệu được thực tướng của các Pháp là Vô

tướng, Vạn pháp giai Không, Duyên sanh như Huyễn. Đạo tức Pháp giới Nhất chân, vốn không thể lấy lời nói để diễn tả, văn tự để giải bày, nhưng bởi tâm chúng sanh căn cơ sai biệt mà Đạo phải diễn tả thành câu, thành chữ (phương tiện quyền xảo).

anh rằng ngôn ngữ dùng để diễn đạt tư tưởng, nhưng như trên đã nói, ngôn ngữ chỉ là khái niệm và thuần túy danh từ, không đi sâu vào chân lý thực tại Như Thật được. Có nhiều trường hợp nên Im Lặng là hữu hiệu hơn. Trong nhân gian người Việt mình, có vài câu chữ Hán như “Thủ khẩu như bình” (giữ miệng như cái bình), hoặc “Đa ngôn đa quá” (nói nhiều thì lỗi nhiều), đó cũng là hậu quả của lời nói không có Chánh Niệm.

Trong 10 điều Tâm Niệm của Luận Bảo Vương Tam Muội có điều thứ 10 là “Oan ức không cần biện bạch”, vì biện bạch là nhân quả chưa xả, càng biện bạch lại càng thể hiện cái ngã si, ngã ái của mình.

Thời xưa ở Trung quốc, Bồ Đề Đạt Ma sau khi trả lời Lương Võ Đế: “Ông không có công đức gì cả” cũng đã diện bích tịnh khẩu 9 năm. Chư Tôn Thiền Đức, mỗi lúc cần tịnh tâm thiền định cũng nhập thất một thời gian.

Trong sách Thiên có kể câu chuyện trên Hội Linh Sơn, Phật đưa cảnh hoa sen nhìn đại chúng, đại chúng ngồi ngơ ngác, duy chỉ có Tôn giả Ca Diếp mỉm cười, Phật hiểu ý, thọ ký. Ca Diếp có nói gì đâu, chỉ mỉm cười mà được Phật thọ ký thì đủ rõ ở đây ngôn ngữ đã trở thành vô dụng, nên chỉ là bạc là may lắm rồi, im lặng mới là vàng.

Trong sách “Pháp thiên Tại và Hiện” có kể câu chuyện về một Thiền sư người Nhật như sau:

“Ngày nọ một phụ nữ mang thai đi cùng gia đình đến ngôi chùa của một vị sư trầm lặng đặc đạo. Người phụ nữ chỉ vào ông và vu cáo rằng ông ta chính là cha của bào thai trong bụng cô. Gia đình cô la mắng ông về những tội lỗi của ông. Vị Thiền sư lắng nghe một cách nhẫn nại và đáp lời: “Thế à!” Họ ra về để rồi trở lại mấy tháng sau với một hài nhi và bỏ nó lại cho ông nuôi. Một lần nữa, ông đáp “Thế à!”, rồi nhận đứa nhỏ. Vài năm sau họ trở lại để xin lỗi ông về sự lầm lẫn của họ và đem đứa bé về. Vị Thiền sư một lần nữa điềm đạm đáp “Thế à!” khi nhìn họ đem đứa bé đi.”

Trình bày lý giải như trên không nhằm ý bác bỏ tất cả lợi ích của lời nói, vì thật ra khi lời nói phát ra từ miệng của một người có tu học, có suy nghĩ đúng chánh pháp thì lời nói đó là chánh ngữ có công năng chuyển hóa mọi khổ đau cho người khác, đem hòa thuận an vui cho mọi loài chúng sanh.

Như, nếu một Phật tử thực hành Tứ Nhiếp pháp trong đó lấy Ái ngữ để hòa đồng chung sống với mọi người gần xa, để ai ai cũng hoan hỷ nhẫn nhịn nhau, thì há đó không phải là bổ thí pháp có giá trị vô song hay sao? Chắc hẳn giá trị Ái ngữ (lời nói thương yêu) không phải là bạc, cũng chẳng phải là vàng, mà trên cả bạc và vàng nữa. Trong Bát Chánh Đạo thì Chánh Ngữ

là một chi phần làm nhân và quả tương duyên nhau với Chánh Kiến, Chánh Tư Duy...

Những lời của thánh nhân nhất là của Đấng Giác Ngộ Thích Ca Mâu Ni đã thị hiện giữa thế giới Ta Bà hóa độ chúng sanh trong 49 năm bằng sự thuyết giảng Phật pháp không là sự lân mẫn từ bi, vì thương yêu chúng sanh đau khổ hay sao? Vậy lời nói của Phật có giá trị bằng gì? – Không thể nghĩ bàn được.

Giải thích thêm về sự Im Lặng là Vàng? Trên mặt hiện tượng cũng dễ hiểu, vì im lặng là cảm thông, là nhẫn nhịn hòa đồng, là chấp nhận không phân biệt thị phi hơn thua sai đúng, là cốt cách thông dong... ít gây đổ vỡ trong tình bạn, tình huyết nhục, bà con lân lý, tạo hòa bình trong xã hội, không gây hậu quả chém giết, đả thương, phân rẽ hạnh phúc gia đình người khác ... Nói một sự thật mà gây tan vỡ, hư hại, thì nên nói hay im lặng? Hỏi tức là trả lời, để biết rằng lúc nào cần nói, nói những gì, với đối tượng nào, và lúc nào thì nên hoặc phải im lặng. Trong một số trường hợp, im lặng cũng được hiểu như đồng nghĩa với tư duy chân chánh, giữ gìn duy trì tam Vô lậu học Giới - Định - Huệ để đạt đến quả Bồ Đề giải thoát, Niết Bàn. Kinh Pháp Cú dạy: “Nếu ai giữ được im lặng trước những lời cay đắng, ác độc, người ấy đắc quả Niết Bàn vì đã không còn phần nộ và không có tâm lấy oán trả oán.”

Nhưng im lặng theo một khía cạnh tiêu cực nào đó cũng có nghĩa là ba phải không lập trường, đôi lúc được xem là thái độ vô trách nhiệm hay đồng lõa với tội lỗi... (một trong 14 giới của Tiếp Hiện). Trong những trường hợp này im lặng nhất định không phải là vàng, kể cả bạc cũng không xứng đáng nữa.

Theo tinh thần tu học của người Phật tử chân chánh, chúng ta phải vận dụng hướng trình Văn - Tư - Tu (Văn huệ - Tư huệ - Tu huệ) để biết được lúc nào lời nói là bạc, lúc nào lời nói là vàng, lúc nào im lặng là vàng, lúc nào im lặng là bạc ...

**T**óm lại, sống thì phải tinh tấn tu học để chuyên hóa thân tâm, tam độc, triền sử, phiền não, khổ đau; phải có chánh niệm để “NÓI NANG NHƯ CHÁNH PHÁP, IM LẶNG NHƯ CHÁNH PHÁP.”

## Quỹ Tương Trợ Tình Lam

Từ ngày 21/05/2005 đến ngày 31/10/2006

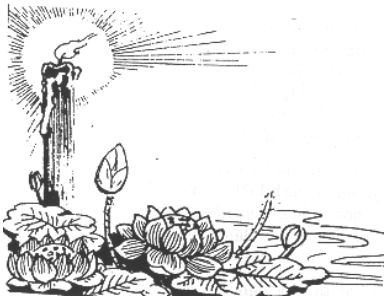
**Cách xa ngàn dặm nhưng gần  
Vòng tay mở rộng tình thân muôn nhà**

Trong quỹ hiện còn 100\$ US và 475FS

Báo cáo để các ACE rõ. Xin cảm ơn.

*Thị Lộc thông báo*

## Suy nghĩ về hướng giáo dục



# Đạo Phật Cho Tuổi Trẻ

TT Thích Tuệ Sỹ

Phật giáo Việt nam đang chứng kiến những xáo trộn và khủng hoảng chưa từng có trong lịch sử. Các mô hình tổ chức, những lễ tiết sinh hoạt, từ ma chay, cưới hỏi các thứ, được cố gắng rập khuôn theo mô hình phương Tây một cách vội vã đã làm xói mòn phần nào truyền thống tâm linh của dân tộc. Thêm vào đó, dưới tác động của xã hội tiêu thụ, và sức ép của quyền lực chính trị làm nảy sinh những tâm trạng bệnh hoạn do bởi quan điểm thế quyền và giáo quyền thiếu nền tảng giáo lý. Tình trạng đó tất nhiên đã có những tác động tiêu cực lên đường hướng giáo dục thanh niên Phật tử Việt nam.

Ngày nay, nói đến tuổi trẻ Việt nam, có lẽ nên tượng hình như hai đường thẳng mà điểm hội tụ là một điểm trong xã hội tiêu thụ. **Đó là hai bộ phận tuổi trẻ trong nước và ngoài nước.** Tuy tất cả cùng được giáo dục theo mô hình giáo dục phương Tây, nhưng do khác biệt định chế xã hội dựa trên quyền lực chính trị chứ không phải do xu hướng phát triển tự nhiên. Đó là sự khác biệt giả tạo như vũng sinh, không biết đâu là chỗ chắc thật để bám vào mà thoát thân. Tuổi trẻ Việt Nam đang bị bật rễ, do đó có nguy cơ mất hướng, hay thực sự đã mất hướng. Tuổi trẻ của đạo Phật Việt nam cũng không ngoại lệ, và không dễ dàng vượt qua tình trạng mất hướng này. **Ở đây tôi nói mất hướng là nhìn từ điểm đứng dân tộc.**

Tuổi trẻ ở nước ngoài chỉ cần quên, hay tạm thời quên, nguồn gốc Việt nam của mình, thì hướng đi cho nhân cách được xác định ngay từ khi vừa bước chân vào công Đại học. Nói cách khác, tuổi trẻ Việt Nam hải ngoại không phải hoàn toàn bị bật rễ, nhưng ở trong tình trạng dị thực. Quýt phương Nam đem trồng trên đất phương Bắc, có thể ngọt hơn, có thể chua hơn, và cũng có thể èo uột vì không hợp phong thổ.

Tuổi trẻ trong nước là thân cây còn dính chặt với gốc rễ trên bản địa. Nhưng để sinh tồn, và muốn phát triển nhanh chóng, bị sức hút của sự thăng tiến tác động từ bên ngoài, nên có nguy cơ bật rễ. Đại bộ phận tuổi trẻ Việt Nam ngày nay biết rất ít về quá khứ ông cha mình, đã yêu nhau như thế nào, đã suy nghĩ như thế nào để bắt kịp những giá trị tâm linh phổ quát của nhân loại.

Tuổi trẻ của đạo Phật Việt nam tuy có thể được tin tưởng là còn cố bám chặt lấy gốc rễ truyền thống để vươn lên, nhưng do sự thiếu trách nhiệm hoặc thiếu nhận thức về hướng đi của thời đại của những người đang đứng trên cương vị giáo dục vô tình chẳng khác nào bác sỹ không còn biết liệu pháp nào hay hơn là cho uống thuốc ngủ để người bệnh quên đi những nhức nhối của thời đại mà tuổi trẻ cần phải biết để chọn hướng đi tương lai cho đời mình.

Mặt khác, do sức ép chính trị mà tuổi trẻ cần phải được tập hợp thành lực lượng tiên phong và hậu bị để bảo vệ chế độ, do đó việc giảng giải đạo Phật cho tuổi trẻ không được phép vượt qua các công chùa. Bên trong công chùa, tuổi trẻ chỉ được giảng dạy những ý nghĩa vô thường hay vô ngã không như là quy luật vận động để tồn tại, phát triển và huỷ diệt của thiên nhiên và xã hội, mà như là một bức tranh toàn xám của cuộc đời được tô trét bởi những người mà tuổi đời đã mệt mỏi với những thành công và thất bại đã làm thui chột ý chí.

Trong một xã hội mà các giá trị tâm linh truyền thống đang bị băng hoại, một số thanh niên tác quái tại các đô thị lớn dựa vào quyền lực chính trị của cha chú, hay tiền của bất chính của bố mẹ; một số khác miệt mài học chỉ để làm thuê, làm những người nô lệ kiêu mới trung thành với những ông chủ giàu sụ. Một số khác, cam chịu thân phận nghèo đói, thất học, cam chịu tất cả nhục nhã của một dân tộc nghèo nàn lạc hậu.

Trong tình trạng đó, **sự hiện diện của các đoàn sinh GDPT, những đơn vị tập hợp các thanh niên biết tìm lẽ sống cho bản thân, thật sự là một thách thức xã hội, mà quyền lực chính trị cảm thấy như một đe dọa nếu không vận dụng được để phục vụ cho tham vọng đen tối, mà vì tham vọng ấy có khi sẵn sàng mãi quốc cầu vinh.** Như thế thì, tất nhiên là ảo tưởng khi nói rằng, chúng ta chỉ tập hợp tuổi trẻ để dạy đạo, không cần biết cái gì khác nữa. Nói thế chẳng khác nào lừa những nai con vào một chỗ để cho cọp dữ dễ dàng thao túng.

Tất nhiên, đất nước cần tuổi trẻ để xây dựng. Đạo pháp cũng cần tuổi trẻ để thể hiện bản hoài tiếp vật lợi sinh của mình. Theo bản hoài đó, giáo dục đạo Phật cho tuổi trẻ không chỉ có mục đích chiêu dụ họ vào trong bốn vách tường nhà chùa để cách ly những phòng trà, hộp đêm, những môi trường cám dỗ, sa đọa. Tuy nhiên, **cơ bản giáo dục đạo Phật vẫn phải là rèn luyện đạo đức, phát triển độ nhận thức tâm linh.**

Trước hết, hãy nói về rèn luyện đạo đức. Ở đây hoàn toàn không có vấn đề nhồi nhét những tín điều đức lý. Nghĩa là, không nói với tuổi trẻ không được làm điều này, không được làm điều kia. Tuổi trẻ có

thể làm bất cứ điều gì mà họ tự thấy thích ứng với thời đại.

Nhưng không để cho tuổi trẻ bị lôi cuốn bởi những yếu tố độc hại của thời đại, không bị lệch hướng nhận thức bởi các phong trào thời thượng, do đó cần thiết lập một không gian an toàn, và di động.

**Không gian an toàn đó là bỏ đề tâm. Tính di động, đó là vô trụ xứ của Bồ tát.** Chúng ta cần nói thêm hai điểm này.

Lớn lên tại các đô thị phồn vinh, rồi bước vào xã hội với học vị cao, mức sống ổn định, một bộ phận tuổi trẻ ít khi trực tiếp sống với những đau khổ của các bạn trẻ khác ở những vùng đất tối tăm xa lạ. Thiếu đồng cảm về những khổ đau của đồng loại, do đó cũng thiếu luôn cả nhận thức về thực chất của sự sống, không thể hiểu hết tất cả ý nghĩa thiết cốt của khát vọng sinh tồn. Cho nên, **đưa đạo Phật đến với tuổi trẻ, phải có nghĩa là đưa tuổi trẻ đến giáp mặt với thực tế của sinh tồn. Đó là làm phát khởi bỏ đề tâm nơi tuổi trẻ:** "Nơi nào hiểm nạn, tôi nguyện sẽ là cầu đó. Nơi nào tối tăm, tôi nguyện sẽ ngọn đuốc sáng". Đây có thể là ước nguyện xa vời, thậm chí sáo rỗng đối với một số người. Nhưng đó chính là mặt đất kim cương để trên đó tuổi trẻ tự vạch hướng đi cho mình, tự quy định những giá trị sống thực cho chính đời mình.

Về tính di động, đó là tính mở rộng, không tự câu thúc vào trong một không gian xã hội chật hẹp, để có thể có tầm nhìn xa hơn, vượt ngoài thành kiến và truyền thống khép kín của xã hội mình đang sống. Nói cụ thể hơn, **tuổi trẻ được giáo dục để luôn luôn ở trong tư thế sẵn sàng lên đường.** Đến bất cứ nơi nào trên trái đất này, nơi mà đau khổ được sống thực hơn, hạnh phúc được trải nghiệm chân thực hơn. Trong một ý nghĩa khác, tính di động như vậy đồng nghĩa với tính phiêu lưu. Từ khi sống tại những đô thị được xem là ổn định, nhân loại đã dập tắt đi tính phiêu lưu nơi tuổi trẻ, nhưng khơi dậy tính du lịch nơi người lớn đi tìm những lạc thú mới để thay đổi khẩu vị thường nhật.

**Tinh thần vô trụ xứ** tất nhiên có nhiều điểm khác biệt. Vô trụ xứ nói: "Không trụ sinh tử, không trụ Niết bàn". **Đó là tinh thần khai phóng, không bị buộc chặt vào bất cứ giá trị truyền thống nào.** Tuổi trẻ cần được học hỏi để sống với tinh thần khai phóng và bao dung, để tự mình định giá chuẩn xác giá trị các nền văn minh nhân loại, tự mình chọn hướng đi thích hợp trong dòng phát triển hài hoà của tất cả các nền văn minh nhân loại, tuy khác biệt tín ngưỡng, khác biệt tập quán tư duy, khác biệt cả phong thái sinh hoạt thường nhật.

Về sự phát triển trình độ nhận thức tâm linh nơi tuổi trẻ, ở đây chúng ta nói đến **sự học tập thông qua Kinh điển truyền thống.** Tam tạng Thánh điển là kho tàng kiến thức bao la. Dựa trên những lời dạy căn bản của đức Phật về giá trị của sự sống, bản chất của

đau khổ và hạnh phúc, trên đó nhiều quy luật về thiên nhiên, về xã hội, về tâm lý, ngôn ngữ, của con người lần lượt được phát hiện qua nhiều thời đại trong nhiều khu vực địa lý có truyền thống lịch sử khác nhau. Tuy nhiên, chúng ta cũng biết rằng, trong toàn bộ lịch sử các nền văn minh nhân loại, đang tồn tại hay đã biệt mất, không một học thuyết nào mà không từng bị nhận thức của người đời sau vượt qua. Có học thuyết bị vượt qua và bị đào thải luôn. Có học thuyết bị vượt qua, rồi được phục hoạt. **Nhưng có rất ít học thuyết được phục hoạt mà bản chất không bị biến dạng. Biến dạng cho đến mức nếu so sánh với quá khứ, nó như là quái thai. Giáo lý của Phật khẳng định quy luật vô thường, nên vấn đề là khổ lý và khổ cơ, chứ không phải là vấn đề bị hay không bị vượt và đào thải.**

**Tuổi trẻ học Phật không có mục đích trở thành nhà nghiên cứu Phật học, mà học Phật là tự thực tập khả năng tư duy bén nhạy, linh hoạt, để có thể nhìn thẳng vào vào bản chất sự sống. Cho nên, sự học Phật pháp không hề cản trở sự học thế gian pháp; kiến thức Phật học không xung đột với kiến thức thế tục.**

Duy chỉ có điều khác biệt, là học Phật khởi đi từ thực trạng đau khổ của nhân sinh để nhận thức đâu là hạnh phúc chân thật.

**Bi và Trí là đôi cánh chắc thật sẽ nâng đỡ tuổi trẻ bay liệng vào suốt không gian vô tận của đời sống.**

## CHÚC MỪNG

Nhận được tin vui  
Anh Cựu Huỳnh Trường

### TÂM ĐOAN - NGUYỄN VĂN CU

Nguyên là Cựu Trưởng BHD  
Gia Đình Phật Tử Việt Nam tại Na Uy  
Nay là Thầy Thích Như Tâm

Đã dùng mãnh thọ Tỳ Kheo Giới  
Trong Đại Giới Đàn Đôn Hậu tại chùa Viên Giác  
Vào tháng 6 năm 2005, Phật lịch 2549

Toàn thể BHD GĐPTVN Âu Châu,

BHD GĐPTVN Na Uy, Đức quốc, Pháp quốc

Ban Huỳnh trưởng các GĐPT  
Chánh Tín (Hòa Lan),  
Giác Viên (Phản Lan),  
Vạn Hạnh (Đan Mạch),  
Thiện Hoa và Linh Phong (Thụy Sĩ),  
cùng toàn thể Huỳnh trưởng và đoàn sinh  
GĐPTVN tại Âu Châu

Thành tâm cầu chúc  
Thầy Thích Như Tâm

Bồ Đề tâm luôn kiên cố  
Đạo quả được viên thành.

# Một vài nhận xét về HIỆN TÌNH PHẬT GIÁO VIỆT NAM

*Nguyễn Tường  
(góp ý từ trong nước)*

Nói đến hiện tình tức là chỉ cho tình trạng sinh hoạt đã, đang và sẽ diễn ra trong một giai đoạn nào đó, của một cá nhân hay một tập thể, trong một cộng đồng xã hội, mà qua đó chúng được thể hiện như là một đối tượng để chúng ta khảo sát và đánh giá về chúng.

Chúng luôn luôn thể hiện sự lệ thuộc qua lại vào chính tự thể của một cá nhân, hay một tập thể tha nhân trong một cộng đồng, mà sự hiện hữu đó như là những sự kiện chính xác, để chúng ta đánh giá đúng sai về chúng một cách công bằng và không sợ rơi vào thiên kiến chủ quan.

Hiện tình sinh hoạt của Phật giáo Việt nam, chúng cũng được nhìn nhận và đánh giá như là một đối tượng nghiên cứu nghiêm túc cho một chung cuộc sau này của lịch sử về giai đoạn đó. Phật giáo Việt nam trong giai đoạn hiện tại, nếu nhìn một cách trung thực và khách quan, thì đây quả thực là một giai đoạn đáng để chúng ta ưu tư và lo nghĩ về tiền đồ của Phật giáo Việt nam, vì tự thân nó Phật giáo đã đánh mất đi cái giá trị nội tại, đáng lý ra nó phải được nuôi dưỡng phát huy một cách tự chủ trong quá trình gìn giữ và kế thừa. Ở đây, chúng tôi không quy trách nhiệm cho bất cứ một cá nhân nào cả, mà là trách nhiệm chung của Phật giáo Việt nam, chỉ vì mỗi người trong chúng ta quá vụng về trong cung cách ứng đối với hoàn cảnh chung quanh vào lúc bấy giờ, nên tình trạng phân hóa nảy sinh, và chúng kéo theo sau những sự thực đau lòng qua những hiện tượng hủ hóa của chính các vị lãnh đạo trong Giáo-hội Nhà nước hiện tại, được thể hiện qua sự đánh mất chính mình (tự ti) để làm công cụ tay sai cho một thế lực vô minh bên ngoài, trong khi họ tự tôn một cách quá đáng đối với các đồng đạo của mình, qua sự thể hiện cái ngã trịch thượng được gói gém và nuôi dưỡng bởi những đặc lợi đặc quyền con con do thế lực vô minh mang lại. Đây là hiện tượng phổ biến từ trên chóp bu Trung ương cho đến các Quận, Huyện địa phương trong khắp cả nước, cũng từ đó Phật giáo Việt nam, sức mạnh của tập thể yếu dần đi, và phân ra thành hai giai cấp thống trị và bị trị rõ ràng.

Giai cấp thống trị được hưởng những đặc quyền đặc lợi do nhà nước ban phát, và do đó họ chỉ biết chú trọng đến bề mặt hình thức bên ngoài được chỉ đạo sát

sao bởi một ban tôn giáo chính phủ từ trung ương cho đến địa phương theo hướng đi của nhà nước qui định. Do đó tuy rằng Giáo hội về mặt hình thức trông có vẻ có bề thế, và có sức sinh hoạt năng động nhờ vào những phương tiện nhà nước ban phát, nhất là phương diện truyền thông đại chúng. Nhưng trong nội dung thực chất thì chúng hủ hóa mục nát, chúng sống được là nhờ nhà nước hà hơi tiếp sức, nếu không thì đã ngã gục từ lâu rồi. Rốt cuộc rồi quanh đi quẩn lại cũng những gương mặt ấy, kể từ ngày thành lập cho đến bây giờ, và có lẽ là mãi về sau này cũng có, vì nguyên tắc hành chính chỉ huy mà, có thua gì việc cha truyền con nối trong chế độ tài phong kiến đâu!? Một người có thể kiêm cả ba, bốn, năm, hay sáu chức vụ gì đó, từ trên Trung ương đến địa phương. Hiện tượng này là một hiện tượng của thiếu người hợp tác, và cũng là do tham quyền cố vị, hay bè phái địa phương, hay môn phái đẻ ra. Thật ra, trong những khuôn mặt này, không hẳn họ có cùng chung một chí hướng. Có người ngồi lại vì một lý do nào đó, hoặc vì cái lợi ích chung, hoặc vì lợi ích riêng tây, hoặc vì tự ti, hoặc vì cơ hội, hoặc vì vong thân đánh mất đi chính mình; nhưng nói chung người vì lợi ích chung thì quá ít ỏi, hơn nữa những người có đôi chút liêm sỉ tầm quý thì họ không bao giờ đứng ra hợp tác cả, ngoài ra thì hoàn toàn là những người cơ hội; nếu nói cho chính xác và đúng với những hiện tượng đã và đang xảy ra trong Giáo hội thì họ là những người đã đánh mất chính mình. Sự hiện hữu của họ vì thế, đã trở thành không có ích gì cho Tăng tín đồ Phật tử cả, vì tự họ không có thẩm quyền ngay trong việc sinh hoạt Giáo hội, chứ đừng nói chi đến những việc khác như can thiệp, hay bênh vực Tăng tín đồ Phật tử bị nhà nước chèn ép, áp bức hay giam giữ bất hợp pháp khi cầu cứu đến họ. Ở đây, không những họ không can thiệp mà còn đồng lõa với các thế lực đó nữa là khác, họ dựa vào thế lực nhà nước hù dọa, bắt nạt, làm tiền ăn hối lộ đối với giai cấp bị trị, giống như là một cán bộ nhà nước không khác gì. Đó chính là cái thế làm cho giai cấp dưới của Phật giáo Việt nam càng ngày càng lánh xa, để rồi phân ra làm hai cấp rõ ràng, và cũng từ đó họ không liên hệ thân cận và nắm được giai cấp dưới. Họ tự trở thành những kẻ bị cô lập, nếu họ có liên hệ được chăng nữa, thì chính sự liên hệ đó là thứ liên hệ hành chánh khi giai cấp dưới cần, thế thôi. Ngoài ra, họ chỉ biết tranh dành địa vị chỗ ngồi để rồi chèn ép nhau, loại nhau bằng những thủ đoạn nếu được, bằng cách dựa dẫm vào thế lực nhà nước để chơi nhau ngay trong những người chính họ, trường hợp thắng hay bại cũng tùy thuộc vào những người mà họ dựa vào ô dù để núp đó, cao hay thấp rộng hay hẹp. Vì vậy cho nên ngay trong chính những người ra làm việc Giáo hội không ai tin ai, luôn luôn dè chừng nhau, và nạn bè phái địa phương, môn phái cũng từ đây nảy sinh. Một tập thể mà từ trên xuống dưới nghi ngờ nhau, dè chừng nhau, chỉ vì họ sợ rằng ai cũng làm nhiệm vụ như chính họ đang nhận nhiệm vụ theo dõi, kiểm soát người khác, vậy thì làm sao mà cảm thông nhau, làm sao hòa hợp được, vì thế

cho nên sức mạnh tập thể không có. Giáo hội thì có đó nhưng không có hồn, đến độ Tăng ni Phật tử thuộc thành phần bị trị, phần nhiều không biết Thành hội là gì? Đặt ở đâu? Văn phòng là gì và hiện đang ở chỗ nào? Họ chỉ biết có chùa của họ, chỉ biết có bốn đạo của họ, và ngược lại Phật tử chỉ biết cái chùa của họ, ông Thầy của họ mà thôi. Một Giáo hội như vậy làm sao đứng vững nổi, nếu không nhờ vào bàn tay phù phép của nhà nước thò vào nâng đỡ?

Từ những hiện tượng trên cho chúng ta một cái nhìn đúng hơn về Giáo hội hiện tại. Ở đây chúng ta không đặt vấn đề là Giáo hội hợp pháp hay không hợp pháp, tự nó sẽ trả lời cho chính nó qua việc sinh hoạt hằng ngày của Giáo hội, là có chủ quyền hay không có chủ quyền trong việc thực thi kế sách sinh hoạt cho Giáo hội, hay đó cũng chỉ là một con cờ tay sai cho chủ nghĩa đế quốc mới, họ thực hiện tham vọng thống trị một cách phi dân tộc, phi nhân bản, phi văn hóa tại đất nước này qua chủ nghĩa Mác-Lê của ý thức hệ ngoại lai Tây phương đã và đang áp đặt trên đất nước này? (Ở đây chúng ta thấy chủ nghĩa Cộng sản đang cai trị tại Việt nam, chúng đâu phải do dân tộc Việt nam sáng lập ra mà chúng cũng xâm nhập vào Việt nam từ Tây phương đây chứ, nhưng những người Cộng sản Việt nam luôn luôn bô bô trên cửa miệng một cách tự hào và hãnh diện về công lao dành lại ĐỘC LẬP cho dân tộc Việt nam qua việc đánh đuổi các chủ nghĩa Đế quốc Thực dân Tây phương và bọn tay sai bán nước ra khỏi đất nước; trong khi đó họ không cần biết xuất xứ chủ nghĩa của họ từ đâu nữa? Việt nam đã thoát khỏi ách thống trị của chủ nghĩa ngoại lai chưa? Thật là mỉa mai và ấu trĩ!) mà chúng tôi chỉ xét trên khía cạnh sức mạnh của đoàn kết và hiệu quả phát triển là không có, nếu có chăng nữa thì những hiện hữu có được đó được hình thành bởi thể lực nhà nước, cộng vào sự lợi dụng của giai cấp bị trị mà theo họ với hoàn cảnh xã hội như vậy, thể chế đảng đưng phải hợp tác vì tương lai của Phật Giáo Việt nam họ phải chấp nhận, nên chúng ta ở bên ngoài thấy có những hiện tượng phát triển thật sự trên mọi lãnh vực như: về giáo dục mở ra các trường Cơ bản ở mỗi tỉnh, cấp địa phương; còn cấp Trung ương mở ra hai trường Cao đẳng, ba Học viện Phật giáo tại ba miền Bắc, Trung, Nam, và một Viện nghiên cứu Phật học. Về hoàng Pháp thì thỉnh thoảng mở ra các lớp bồi dưỡng Giảng sư tại Trung Ương cũng như địa phương. Về Tăng sự thì tổ chức an cư Kiết hạ hằng năm, tổ chức Giới đàn những nơi nào có Tăng ni nhiều cứ ba năm mở một lần trong khắp cả nước v.v... nhưng thực chất đó chỉ là những hình thức bên ngoài được nhà nước dàn dựng lên và bảo trợ chỉ đạo một cách sát sao ở bên trong. Phật giáo của Giáo hội này làm bất cứ việc gì mà không có sự đồng tình đồng ý của nhà



nước?, và những Đảng viên chỉ đạo trực tiếp nằm trong guồng máy Giáo hội nếu họ không gặt đầu thì đừng hòng thực hiện được. Như vậy những hiện tượng Giáo hội phát triển về nhiều mặt ở trên như chúng tôi đã đề cập cũng không ngoài sự bảo trợ và chỉ đạo trực tiếp này để tuyên truyền chính trị cho họ là nhà nước Cộng sản cũng tự do tôn giáo như bất cứ nước nào, cộng với cái thể chế đảng đưng của giai cấp Tăng lữ và quần chúng Phật tử bị trị. Ở đây, nếu không có sự hiện hữu cộng tác có lý do riêng của giai cấp bị trị thì thử hỏi giáo hội và nhà nước có làm gì được không? Vì vậy, Giáo hội không có bất cứ một giá trị nào đối với quần chúng Tăng tín đồ Phật tử ngoài việc bị giai cấp dưới lợi dụng mà họ không biết, họ cứ tưởng đó là sự thành công của họ!

Qua những hiện tượng trên cho chúng ta thấy, hiện tại nếu bảo là có sự phát triển, thì sự phát triển đó là sự phát triển của Phật Giáo Việt nam chứ không phải sự phát triển của Giáo hội Phật giáo Việt nam hiện tại, (vì Giáo hội này trong thực chất của nó chỉ là một Hội đoàn trực thuộc tổ chức chánh trị quần chúng trong mặt trận Tổ quốc Việt nam, được sự chỉ đạo trực tiếp của các đảng viên đảng Cộng sản lãnh đạo, nó cũng như một tổ chức Hội phụ nữ, hay Hội cựu chiến binh, hay Hội liên hiệp thanh niên, hay bất cứ một hội đoàn nào, nếu Đảng và nhà nước ép buộc vào để hậu thuẫn cho đảng và nhà nước trong việc tuyên truyền chính trị thì được). Nói một cách chính xác hơn thì đó chính là sự phát triển của giai cấp bị trị Phật giáo Việt nam vào lúc bấy giờ. Đây là một giai cấp đã và đang lớn mạnh trong một hoàn cảnh khó khăn bị chèn ép bởi trong lòng nội tại của chính nó, và hoàn cảnh bên ngoài buộc nó phải tự hủy. Nhưng nó vẫn sống và vẫn lớn mạnh hơn lúc nào hết nhờ vào những lý do như chúng tôi vừa nêu ra. Cái nguyên nhân đưa đến sự bền vững và lớn mạnh của giai cấp Tăng tín đồ bị trị, chúng được hình thành và hiện hữu nhờ vào:

**Thứ nhất**, vì Giáo hội không có hệ thống hành chánh ở cấp cơ sở (xã, phường, thôn, ấp, làng xóm) nên Giáo hội không đi sát, sâu, và nắm vững hạ tầng cơ sở, nên Giáo hội trở thành không có quần chúng (đây là điều nhà nước muốn và Giáo hội cũng đã đáp ứng yêu cầu của họ). Thử hỏi một tổ chức mà không có hạ tầng cơ sở thì họ làm việc với ai, và họ dựa vào đâu để hiện hữu? Vì nhà nước biết thế cho nên buộc họ phải làm chỗ dựa cho Giáo hội, và giáo hội vì thế trở thành công cụ cho họ để mà hiện hữu. Trong khi đó nhà nước luôn coi trọng hạ tầng cơ sở và luôn luôn nắm vững hạ tầng cơ sở để làm nền tảng cho chế độ của họ. Chính vì chỗ hở này mà Giáo hội không nắm vững được quần chúng Phật tử và Tăng ni, và cũng vì chỗ hở này mà giai cấp bị trị lợi dụng nó để tự hóa

thân biến mình trở nên đoàn kết và vững mạnh hơn. Ở đây, họ không cần gì hết, chỉ cần quan hệ tốt với chính quyền địa phương là họ sẽ được tất cả (vì nhờ có cán bộ hủ hóa từ trên đến dưới, cho nên đây cũng là một cái duyên thuận để giai cấp bị trị phát triển nội bộ), như vấn đề xuất gia, học tập, thọ giới, tấn phong Hòa thượng, Thượng tọa v.v... Nhà nước đâu có muốn cho Phật giáo phát triển, nếu có thì phải phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa của họ đặt ra, và tất cả mọi sinh hoạt tín ngưỡng khác cũng vậy, trước hết và trên hết của mọi vấn đề ở đây là phải có sự chấp thuận của nhà nước trong việc nếu muốn đi tu, nếu muốn học tập, nếu muốn tấn phong Hòa thượng, Thượng tọa hay muốn bất cứ việc gì đều phải được sự chấp thuận của nhà nước, còn Giáo hội là cơ quan, để nhà nước nhờ vào đó mà họ thoát khỏi tai tiếng là cấm đoán tự do tín ngưỡng tôn giáo, nên buộc Giáo hội phải ra nội qui ai muốn đi tu thì phải được sự đồng ý của cha mẹ, và được sự chấp thuận của chính quyền địa phương. Nhưng trên thực tế thì có ai muốn đi tu làm đơn xin nhà nước bao giờ, và nếu có xin đi nữa thì cũng bị nhà nước bác bỏ, vì họ không muốn chịu trách nhiệm về chữ ký trên mặt giấy tờ nếu có việc gì xảy ra; và đối với nhà nước này thì cái gì cũng có thể xảy ra, biết vậy cho nên họ không bao giờ làm việc này. Nhà nước thì lúc nào cũng tuyên truyền là mọi người ở trong nước Xã hội chủ nghĩa đều có quyền tự do tín ngưỡng, tự do tôn giáo; nhưng có một điều rất nghịch lý là khi đã cạo đầu xuống tóc, mặc pháp phục rồi thì người này không có chỗ ở, vì nhà nước đâu có cho nhập hộ khẩu thường trú ở trong chùa, nếu chùa nào có liên hệ tốt với chính quyền địa phương thì mới được tạm trú. Như vậy cũng bằng là cấm không cho tu rồi! Những điều này thì Giáo hội không bao giờ can thiệp, và đặt vấn đề với nhà nước đâu; từ đây nảy sanh ra không biết bao nhiêu là tệ nạn, Tăng ni thuê nhà ở trọ, hay ở nhà bôn đạo, vì những nơi này Tăng ni được quyền tạm trú còn chùa thì không được! Đây chính là một thủ đoạn phá hoại sự đoàn kết Tăng đoàn, gây chia rẽ nội bộ với nhau để dễ bề thống trị tiêu diệt trong công tác triệt hạ tôn giáo của chủ trương Đảng và nhà nước cộng sản Việt Nam. Đó là một trong vô số cái bất hợp lý như vậy, đối với tôn giáo nói chung và Giáo hội Phật giáo nói riêng, mà các cấp lãnh đạo không bao giờ dám hở môi, vì vậy cho nên Giáo hội phải lãnh đủ tai tiếng búa rìu thay cho nhà nước. Khi mà giai cấp thống trị không cur mang nổi những việc này cho Tăng tín đồ Phật tử, thì giai cấp bị trị tự lo liệu về tương lai cho Phật giáo, bằng cách liên hệ tốt với chính quyền địa phương, để họ cho phép tạm trú tại địa phương họ, và dần dần đâu cũng vào đó và được hợp thức hóa một cách đảng hoàng, bằng sự khéo léo giữa người với người thì mọi chuyện đều êm xuôi. Chính nhờ vào sự hiện hữu bằng cách này mà giai cấp Giáo hội thống trị mới có người để họ mở trường dạy học, mở Giới đàn thọ giới chứ



nếu không có như vậy thì tu sĩ tìm đâu ra để họ mở trường dạy học, mở Giới đàn thọ giới? Để họ tuyên bố cùng thể giới rằng trên đất nước Việt Nam này vẫn có tự do tôn giáo v.v...? Ở đây có một điều đáng mừng cho Phật Giáo Việt Nam là chưa đến nỗi nào, chưa cạn tài ráo máng, vì khi Tăng Ni đến xin ghi danh thọ giới hay học, thì G.H. này không hỏi là quý vị từ đâu xuất hiện ra đây mà đông thế!? Xuất gia có giấy chấp thuận của chính quyền địa phương không? Có sự đồng ý của cha mẹ không? như trong nội qui Tăng sự họ đã ghi như vậy. Đây là một hiện tượng tự mình trói mình, do nhà nước đạo diễn sắp xếp. Thế mà Giáo hội có nhìn ra được đâu? hay các Ngài có nhìn ra mà cố làm ngơ để được yên thân?

**Thứ hai**, vì Giáo hội không có cơ sở hạ tầng, cho nên quần chúng Phật tử họ không nắm được. Từ sự ngăn cách giữa quần chúng Phật tử và các cấp lãnh đạo từ cấp quận huyện trở lên của Giáo hội được coi như là một sự ngăn cách lớn, nên Giáo hội hiện đang chơi vui giữa từng không, có thể rớt lúc nào cũng được nếu nhà nước muốn. Vì Giáo hội không đặt trên bất cứ nền tảng vững chắc nào hết, nên sự hiện hữu của họ như là một

cái bóng đối với giới Tăng Ni và Phật tử tại gia, hay đó chỉ là một tổ chức chánh trị do nhà nước lập ra để tuyên truyền cho chế độ mà thôi. Ngược lại,

Tăng lữ giai cấp bị trị, họ chỉ gần gũi và thân thích những vị cũng đồng với cảnh ngộ của họ, cùng với tầng lớp nhân dân thấp cổ bé họng như họ, sát cánh với họ trong sinh hoạt tâm linh như tu học, lễ bái, ma chay, giỗ chạp, cầu an, cầu siêu nói chung là mọi hoạt động về tinh thần, họ gắn bó với nhau qua tình nghĩa Thầy trò, tình nghĩa đồng đạo, tình nghĩa chòm xóm. Họ đoàn kết nhau để vươn lên trong sự áp bức chèn ép của giai cấp thống trị vừa Giáo quyền, vừa Thế quyền cộng sản; họ biết cách lợi dụng để tự sinh tồn mà không đánh mất chính họ. Đó là điều mà mọi người trong giai cấp bị trị lấy làm hãnh diện, và nhìn thẳng vào đời đi lên với hai bàn chân của chính mình, cho dù họ gặp rất nhiều khó khăn trong lúc sinh hoạt, như hội họp phải xin phép, nếu không phải là những ngày lễ lớn theo truyền thống đã được nhà nước cho phép thì dứt khoát không được, thì họ sinh hoạt theo lối khó khăn. Sự hiện hữu và phát triển của giai cấp bị trị này, nó đã nói lên được cái huyết mạch truyền thống lâu đời của dân tộc, nó đã ăn sâu, đã đúc kết nên một giai cấp chân lấm tay bùn, lao động vất vả, luôn luôn bênh vực lẫn nhau, giúp đỡ lẫn nhau, đùm bọc lẫn nhau trong những khi hoạn nạn ập đến; luôn tự chủ không đánh mất chính mình. Nó là một Phật giáo Việt nam chính thống, là Giáo hội của những kẻ thấp cổ bé họng, Giáo hội của vô danh nhưng hữu thực, đó chính là G.H.P.G.V.N.T.N.

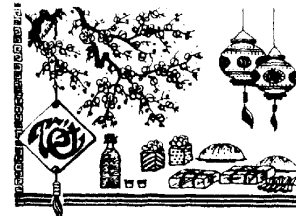
**M**ột Giáo hội đã và đang bị Nhà nước Cộng sản Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam bức tử, và Giáo hội Quốc doanh Nhà nước vu báng trong trách vụ thừa sai của mình.

**T**óm lại, như đã trình bày ở trên chúng ta đã nhìn thấy hiện tình Phật giáo Việt nam là như vậy, chúng bị phân hóa thành hai giai cấp rõ ràng là giai cấp thống trị và giai cấp bị trị. Sự hiện hữu của chúng được đánh giá như là một sự ô nhục một thời trong suốt dòng lịch sử Phật giáo Việt nam hơn hai mươi thế kỷ, chúng được hình thành và hiện hữu một cách nhứt nhối bởi các thế lực vô minh nội tại cũng như ngoại tại, đáng lý ra nó phải là một khối mạnh mẽ đoàn kết. Chúng ta không trách ai hết mà chúng ta hãy tự trách chính mình, không đủ trí tuệ để lèo lái con thuyền Phật giáo Việt nam vượt qua cơn bão táp, mà tự nhận chìm chính mình để tránh bão táp!

Rốt cuộc rồi chúng ta được gì? Chia rẽ, phân tán, yếu dần yếu dần và chìm ngìm trong tiếng cười của bão táp phong ba. Hãy nắm tay nhau lại, sát cánh bên nhau, đoàn kết nhau lại, hãy tha thứ cho nhau những lỗi lầm nếu có trong quá khứ, hay trong hiện tại, mà vực dậy con thuyền Phật giáo Việt nam. Hiện tại vẫn chưa phải là đã trễ, chỉ sợ chúng ta không đủ dũng khí của một bậc trượng phu đứng lên cùng nhau vực dậy con thuyền, và đặt chúng vào hướng đi thích hợp đối với sự giải thoát, và tự chúng ta hợp nhau lèo lái tiến lên, mà không cần bất cứ một thế lực nào khác ngoài chúng ta ra. Chúng ta hãy tự làm chủ vận mệnh của chính mình cũng như làm chủ tập thể Phật giáo Việt Nam, không làm nô lệ cho bất cứ thế lực chính trị nào, hay bất cứ chủ nghĩa nào ngoài Phật giáo, thì đó mới đích thực là hướng đi đúng của Phật giáo Việt nam trong hiện tại cũng như tương lai. ❖

## Hái Lộc

## Đầu Năm



Em nhớ giao thừa phút Xuân sang  
 Hoa mai rực rỡ sắc tươi vàng  
 Cơ trời nhẹ nhàng xoay chuyển  
 Trong tiếng pháo Xuân nổ rền vang.

Giao thừa - mẹ cúng cũng vừa xong  
 Áo mới em thay dệt tơ hồng  
 Năm mới xuất hành đi lễ Phật  
 Sau rồi sẽ hái lộc đầu năm.

Ngôi chùa em vẫn đến chốn đây  
 Vĩnh nghiêm đêm ấy người đông đây  
 Trầm hương nghi ngút dâng lan tỏa  
 Chuông ngân thánh thót vang xa bay.

Lễ Phật xong rồi ra vườn sau  
 Muôn hoa, muôn vẻ với muôn màu  
 Nhưng em thích nhất loài hoa đẹp  
 Gọi Nhất Chi Mai - đỏ sắc màu (\*)

Mẹ ngắt một cành hoa xinh xinh  
 Dem về cắm trong chiếc đũa bình  
 Bảo: "Xem hoa đến khi nào héo ...  
 Đoán vận trong năm đến với mình"

Riêng em - không nghĩ lúc hoa tàn  
 Là thôi - may mắn sẽ mau tan  
 Vì Xuân tuy hết nhưng còn mãi  
 Một cành mai nở với thời gian (\*\*)

(\*) Nhất Chi Mai: Một loài mai có thân và lá tương tự như mai vàng, nhưng hoa có năm cánh nhỏ sắc đỏ hồng, nhụy vàng, trở hoa từng chùm.

(\*\*) Dựa theo ý thơ của Thiền sư Mãn Giác:

"Mạc vị Xuân tàn hoa lạc tận  
 Đỉnh tiền tạc dạ nhất chi mai"

Minh Huyền

# Thấy..., không thấy....!!



Chuyện sinh hoạt

Thiện Tín – P.T.D.

Mới đọc cái tựa đề đã thấy nó ngộ ngộ... nửa đời nửa đạo thế nào ấy! Nhưng tất cả mọi sự việc đều là sự thật... hai... năm... rõ mười đầy quý vị ạ!

Bắt đầu từ cái cơn bão số 6 chết tiệt mang tên Zangsane ấy, nó tràn qua miền trung Việt Nam hồi cuối tháng 9 đầu tháng 10 vừa rồi, với sức mạnh vô hình của thiên nhiên đã tàn phá 6 tỉnh, thành, làm cho bao gia đình tan hoang tang tóc, các công trình phúc lợi công cộng... điện, đường, trường, trạm đổ nát, của cải, hoa màu bị hư hại mất mát... rồi hơn trăm người đã bỏ mạng giữa lúc đời còn phơi phơi niềm tin yêu hy vọng, điều ấy ai cũng... thấy!

Song khi bão tố qua đi, mây mù biến mất, trời xanh nắng đẹp lại hiện ra.... bình yên giữa bao la lại đến, thì bão tố nơi lòng người trong vùng thiệt hại bởi thiên tai, lại nổi dậy trước cảnh hoang tàn của xứ sở, vì họ phải khắc phục hậu quả, phải làm lại từ đầu... đến khi nào mới bằng... ngày xưa đây!! Chắc chắn có rất nhiều người... không... thấy!

Chính vì... thấy chẳng có bao giờ là muộn, khi mình biết bắt đầu và quyết tâm thực hiện! Nên anh chị em GDPT Chánh Tín thuộc chùa Tâm Giác- München bàn chuyện... làm bữa cơm xã hội quyên góp ủng hộ đồng bào bão lụt miền trung. Sau khi nhận được thư kêu gọi của giáo hội PGVNTN và Hội Phật tử ở Đức, giữa lúc Thầy cố vấn giáo hạnh còn đang hoảng hốt pháp tại Hoa Kỳ, anh Liên Đoàn Trưởng đang mất thấy, tai nghe... tay sờ thấy hậu quả của cơn bão số 6 khủng khiếp, ghê sợ như thế nào tại quê hương! Còn lại đứng 5 anh chị em huynh trưởng cùng bác gia trưởng... trước là qua email, điện thoại, sau là cùng quý vị phụ huynh của các em trong ngày sinh hoạt của GDPT vào 22.10.06! Nói là làm, bàn phải xong mặc dù ban “giám đốc” lẫn “đám làm” vồn vện không đầy 20 người... tính chuyện “đại sự”! Song có lẽ là dùng thiện pháp để thực hiện thiện nghiệp, nên ai cũng vui vẻ nhận lời, mỗi người một việc làm thế nào để trong vòng 10 ngày, vừa quảng cáo, mời gọi, nhờ vả ra sao để có đủ đồ ăn, nước uống... tử tế cho 500-600 người trong thành phố lớn thứ 3 nước Đức, có hơn chục ngàn người VN đang sinh sống tại đây!

Nhưng cụ thể từng khâu mới... rắc rối chứ! Bắt đầu từ khâu thiết kế tờ quảng cáo do anh thư ký đảm

trách, với nội dung, hình thức sao cho được mắt ta để ... ra mắt mọi người! Cho dù lần này là lần 3 trong vòng 9 năm, một lần cứu trợ cô đô Huế sau cơn lũ thế kỷ được 5.000 DM, rồi đồng bằng sông cửu long được 1.600 Euro! Thôi thì lấy cái cũ bổ sung cái mới... tiền tới làm liền, song phiên một nôi là anh thư ký bận chuyên nhà cho chị, chạy xe hơn 1.000 km, chưa tính khâu xuống... xếp lên trong ngày 21.10.! Nhận được điện khẩn... tối đó anh đã thức đến 2h sáng hôm sau làm cho xong để gửi về kịp “thình ý” tập thể trong ngày sinh hoạt 22.10.! Sao cho thứ hai ngày 23.10. phải hoàn chỉnh để in hàng loạt, rồi gửi đến mọi người VN trong toàn thành phố! Suốt cả tuần từ 23-30.10. hơn 1.000 tờ quảng cáo khổ A4 giấy trắng, loại sang được gửi tới các tiệm bán đồ Châu Á của người VN, do bác Gia Trưởng đảm nhận... chùa và vùng miền Bắc thành phố, thêm một anh Huỳnh Trưởng lo khu vực Trung, Tây, Nam, Đông cùng các hội... anh quen biết! Có lẽ ít ai thấy Bác Gia Trưởng tuổi ngoài 60, mới xuất viện được... vài tháng mà ngày ngày lặn lội xuống chùa cách nhà chừng 50 km bằng S-Bahn quảng cáo rồi gọi điện mời tham dự, xin đồ ăn cả... tuần, bác lo ít người đến dự bữa cơm quyên góp nên tự tay làm thêm một thùng công đức “ủng hộ bão lụt” để tại chùa, rồi lập danh sách mượn dụng cụ cần thiết để phục vụ bữa cơm xã hội của chùa... Cũng bác, làm sao đến ngày đó anh huynh trưởng... con trai của bác... vác được lên chỗ tổ chức cách chùa khoảng 40 km! Bác nay tuy đã già rồi, già rồi nhưng bác còn... mạnh mẽ về tinh thần, có lẽ nhờ thứ bảy hàng tuần bác thường trì chú Đại Bi ở chùa, mong ngàn người có chừng ấy cái đầu, gấp đôi số ấy con mắt để quán xét tất cả, cũng có gấp đôi chừng đó bàn tay để cùng làm việc thiện, bởi câu đầu của thần chú... “thiên thủ, thiên nhãn, vô ngại đại bi...” tâm tà... bỏ đi... thì bất kể ai có tâm đại từ, đại bi sẽ không ngại chuyện gì miễn là lợi người mà không hại mình!

Lại vẫn ... là quảng cáo, phần này thuộc anh Huỳnh Trưởng chuyên làm nhiệm vụ ... quốc tế đảm nhận chính, song thấy anh vẫn bình chân như vại, tự tại như chẳng có vấn đề gì, thứ hai in hơn 800 tờ rồi đi tập, thứ ba rải gần 600 tờ ở 7 cửa tiệm, trên đường đi gặp bất cứ người Việt nào anh cũng ... phát “vô tư”, mặc dù anh thuộc hàng nhát như ... cáy, đứng trước mọi người nói là run cầm cập, thứ năm còn mấy lớp tập võ, ít nhà hàng tiệm thể xin ... đồ ăn luôn. Thứ sáu lại đi tập ngày nào cũng dậy từ 5h30 ... đi làm ... xong công chuyện là 21h tối, chả thấy anh bỏ một tí tẹo nào của chương trình cá nhân. Thứ bảy cuối tuần, 29.10., đến cùng lớp học nhảy với các vũ điệu quốc tế, tranh thủ giải lao ... quảng cáo và phát luôn mấy chục tờ bởi hôm ấy rất đông vui, ai cũng hoan hỉ nhận lời kể cả “Vũ sư”, còn anh chính là “vũ sinh” nên bạn học cũng nể tình ...OK đến! Chủ nhật, ngày cuối cùng của quảng cáo ... còn lại mỗi ... Nhà thờ ... “Vào thế kỷ...trước” anh chưa biết đạo nào cả, bạn bè rủ đi nhà thờ ... Ok đi, dự đại hội công giáo cũng đến, tuổi trẻ

năng động, nhiệt tình và đặc biệt ... ham vui, mà tới đó cũng ... dễ thương ... vì những đôi mắt trong veo hiền dịu đầy quyến rũ, từ những thiếu nữ đẹp như ... con của chúa luôn cười tươi vui vẻ, họ nhìn anh rất thiện cảm nên đã làm cho trái tim anh một thời ... không ngủ yên!

**C**hi sau biến cố “ngày công chúa ... Diana vĩnh biệt, đúng ngày này ... ngày ấy mãi anh đau...”, rồi anh quy y và phát nguyện ... mặc áo lam, đi huấn luyện ... thế là công việc cuốn anh chạy như tàu ... siêu tốc, nay quay lại đã gần 10 năm không gặp ... Chôn ấy ... người xưa!

Lần này vì chuyện đại sự anh bạn quần trắng, áo trắng tiến thẳng đến nhà thờ ... nhờ Cha xứ ... quảng cáo ủng hộ, đúng hôm bên trung tâm giáo xứ cũng phát động làm bánh mì ... nhân thơm ngon khó tả, bán 3 Euro một ổ lấy tiền ủng hộ đồng bào bão lụt, dĩ nhiên anh cũng làm đôi chiếc ăn để lấy sức còn đến 2 lớp võ khác, vovinam (việt võ đạo) ... phía Bắc, lớp Karatedo tận miền nam thành phố, cả hai đại phái này ngày trước anh đã từng là ... võ sinh.

Song chuyện công du đến nhà thờ lần này thật hữu duyên lại ly kỳ, hấp dẫn, không viết ra thì quả là thiếu sót lớn ... nhưng sợ hơi dài!!

**B**ước vào thánh đường trước giờ thánh lễ chừng 5 phút, đưa mắt thoáng qua anh đã nhận ra hơn một nửa trong số gần 200 người xưa ... từng biết, quen, thân và yêu từ thế kỷ ... 20, bây giờ vẫn thân! Sau một hồi chuông dài ngân nga, cả nhà thờ im phăng phắc, cha xứ đi ra trong lễ phục màu xanh lá cây, cùng mấy cặp đồng nam, đồng nữ mang trang phục trắng phụ lễ, khi tiếng nhạc nổi lên buổi thánh lễ bắt đầu với bài ca chúc tụng ngợi ca Chúa của hết thảy mọi người, sau đến lời chào quen thuộc từ Cha: “Chúa ở cùng anh chị em“, đáp lại: “và Chúa ở cùng Cha“ thật ngọt ngào chân tình, sau đó là bài sám xưng tội ý nghĩa rất hay mà ngày xưa anh thường nghe nay còn loáng thoáng nhớ mặc dù chẳng đọc bao giờ, đại loại ... “trong tư tưởng, lời nói, việc làm đã phạm nhiều lỗi lầm ... lỗi tại tôi, lỗi tại tôi ... mọi người đều biết ...“, thì đúng quá chứ còn gì nữa. Lỗi của người thì ... ta thấy rồi ... phê ... nên dẫn đến ... bất bình, lỗi của mình người khác thấy mà nói thì ta ... nóng giận ... nên chửi mấy khi sửa đổi ... Do đó!! Ta vẫn là ... tôi!

**T**rong buổi lễ hôm đó có hai câu chuyện liên quan đến ... thấy và ... không thấy, nếu ai nghe rồi thì khó mà ... quên.

Câu chuyện 1: Cha nói là bằng tiếng Đức cho thế hệ sinh ra lớn lên ở đây hiểu, sau là tiếng Việt cho quý phụ huynh biết! Đó là bằng thí nghiệm ... vào một ngày cuối tuần trời trong gió mát đầu mùa thu, tại góc

phổ đông vui nhộn nhộn và có nhiều trò tiêu khiển, người ta đặt một máy Kamera ghi hình, với khoảng thời gian ấy có 10 nhân viên của “viện nghiên cứu nọ, dẫn 10 người đủ mọi lứa tuổi, cũng như khác nhau về nghề nghiệp, học vấn và dân họ, đến đó, trong thời gian quy định đó ... nhớ quan sát xem thấy gì ở đây và cùng bấm máy ghi hình! Sau khi kết thúc thí nghiệm hỏi lại từng người thì rất ít hình ảnh sự việc xảy ra trùng lặp, mà mỗi người một khác, so với chiếc Kamera ... “vô tư“ kia thì ... tất cả họ còn thua, mặc dù chiếc máy vô tri ấy là sản phẩm trí tuệ của con người!

Cha kết luận: Người ta chỉ thấy mọi vật xung quanh kể cả tình người bằng cái muốn của mình, còn chối bỏ tất cả. Khi tôi không thích, không yêu nên thấy mà không thấy!

Câu chuyện 2: “Mù!“ do một cô gái đọc với giọng truyền cảm xúc động, khi chưa kết luận ai cũng bùi ngùi nghĩ là lời kêu gọi giúp đỡ kẻ khiếm thị! Ai dè: “Mọi sinh linh có mặt trên thế gian này đều được bình đẳng cùng hưởng những gì của Chúa ban cho, song có bao kẻ mù do bẩm sinh, tật bệnh hay vì một lí do nào đó mà không nhìn thấy được, những gì của thiên nhiên tạo hóa hoặc của con người xây dựng trên hành tinh này, những người như vậy thật đáng xót thương! Nhưng không đáng thương bằng những kẻ ... “mù tâm trí“, họ đã không cảm nhận được tình thương của mọi người, của Chúa dành cho họ, vì họ không nhìn thấy bao cảnh khổ đau thương tâm xung quanh mà ra tay cứu giúp ... thật đáng thương thay!“

Riêng tôi xin mượn 2 câu thơ ... chế một chút của cụ Hồ Nguyễn Đình Chiểu bổ sung lời kết ... “Dù đi mà giữ đạo nhà, còn hơn có mắt ông cha hết nhờ!“

Trước khi rời thánh đường bằng những lời chúc tụng sau buổi lễ, thì Cha đã không quên dặn chương trình chiều nay của ca đoàn, thứ sáu tới “gặp nhau cuối tuần“ của thanh niên và huynh trưởng, thứ bảy học tiếng Việt của trẻ em, phụ huynh nhớ đưa các em đến đúng giờ ... Nghe mà cứ tưởng ...! Ở đó gần 200 người dự lễ ai cũng thấy sự quan tâm của Cha đến thế hệ tương lai, bởi Cha hiểu hơn ... điều ai cũng biết ... tuổi trẻ là rường cột của mọi tổ chức, mọi tôn giáo, mọi dân tộc trên thế giới ... nên ...!

**M**ọi người còn quỳ nghiêm trang trước thánh giá để cầu xin Chúa ban những điều tốt lành đến với bản thân, gia đình, bè bạn, giáo xứ và nhân loại, thì Cha đã thay đồ ... thường phục comlê - cravate lịch sự đứng sẵn ngoài cửa thánh đường để bắt tay thăm hỏi mọi người dự lễ.

Được đưa bạn giới thiệu gặp Cha: “Cha này, có anh đây muốn gặp Cha“, sau một thoáng ngỡ ngàng vì Cha đẹp trai và trẻ quá, mặc dù Cha không cao to nhưng chắc rất tài! Có lẽ vì quá lâu không đến nhà thờ nên anh chưa quen Cha, ai cũng gọi là Cha Liêm, nghe đầu Cha đã ngoài tứ tuần và tu theo dòng Augustin,



vậy mà mới nhìn cứ tưởng Cha chưa đến 30 tuổi, bắt tay Cha và thưa:

“Thưa Cha chúng con là GDPT, là tổ chức giáo dục thanh thiếu niên thuộc chùa Tâm Giác, ngày 1.11.2006 chúng con tổ chức ..., lẽ ra phải có thư mời Cha song vì thời gian gấp quá và chúng con cũng không đủ tư cách cũng như thẩm quyền ... viết thư mời, nên nay đến mời Cha bằng tình người cùng tờ quảng cáo này, giờ đó ... ngày đó ... thầy trụ trì chùa Tâm Giác cũng có đến, mong Cha cùng bà con giáo xứ đến dự và ủng hộ!

Cha nói: “Sao không nói sớm để phát cho mọi người, đã để trên chỗ trung tâm sinh hoạt của giáo xứ chưa?” – “Dạ rồi thưa Cha! Chính anh cũng ... thấy và cảm nhận ... được sự quan tâm của Cha xứ đến tuổi trẻ trong giáo phận như thế nào? Khi ngồi nhâm nhi ổ bánh mì cứu trợ bão lụt ở nơi đây!”

Vậy có ai thấy được sự quan tâm của quý Thầy - Cô cố vấn giáo hạnh dành cho các GDPT như thế nào không? Vậy tại sao? Tổ chức GDPT vẫn lớn mạnh, trưởng thành ở bất cứ nơi nào ... có người Việt! Còn ở đây ... Muenchen, qua 3000 ngày không nghỉ, thời gian ấy đã vượt biết bao thăng trầm, GDPT Chánh Tín vẫn làm nên kỳ tích, 3 lần tổ chức bữa cơm xã hội ủng hộ đồng bào bị thiên tai tại quê nhà, với số tiền tổng cộng gần ... 200 triệu đồng VN, chắc ai cũng ... thấy!

Còn lại những chi phí cho sinh hoạt hàng năm ... đủ thứ, tốn từ 3.000 Euro đến 5.000 Euro được làm ra từ những ngày buôn bán, mà tiền vốn thì của anh chị em, lấy lãi làm quỹ cho tập thể ... Chắc là ít người ... thấy, và nhiều người ... không thấy! Và còn rất nhiều việc làm thiện nguyện không nhất thiết thấy bằng ... Thị giác, mà mong mọi người thấy được bằng ... Tâm giác! Để cho những ai dẫn thân làm việc thiện có thêm đại hùng, đại lực để thực hiện đại ... từ bi.

Giá như tuổi trẻ VN với mấy chục vạn chi đoàn thanh niên, hàng ngàn các GDPT, tổ chức hướng đạo trên khắp địa cầu cũng dẫn thân và làm được như vậy thì hỏi ... bê khổ nào mà không tát cạn, nguồn mê nào mà không chặn đứng! Lúc ấy ai cũng thấy tuổi trẻ là ... muôn năm.

Hai xe ô tô của 2 anh huynh trưởng cùng 2 em đoàn sinh, chở đầy dụng cụ âm nhạc ... với hơn chục két nước đủ loại ... tinh khiết đến tập kết tại “đoàn quán”, nơi tổ chức bữa cơm xã hội lúc gần 10h sáng, vào trong hội trường đã thấy bàn ghế xếp xong, nồi xoong đang rửa ... chuẩn bị nổi lửa nấu cơm, với đầy đủ những khuôn mặt thân yêu trong buổi “họp chuẩn bị” mười ngày trước đó, cùng một số bè bạn, người thân khác! Mỗi người một việc chẳng cần sai bảo gì mà công việc cứ ào ào chạy, chỉ đến khi đồng loạt cùng ...cắm điện để nấu cơm, đun nước pha cà phê, rồi nồi cháo chiên ... tất cả đều hiện đại nên ... hại điện ... cúp rụp! Vì tải không nổi!

Lúc ấy thấy gương mặt ai cũng lo âu, bởi chỉ 2 tiếng nữa mà ... cơm chưa nấu, bánh chưa chiên, đồ xào, kho, cari ... chưa tới, mấy dụng cụ đựng đồ ăn nóng vẫn sáng choang màu thép trắng ... lạnh lùng! May quá có 2 anh chị sẵn sàng về chùa mượn bình gas ... bếp ga, dù phải chạy đi ... về gần 100 km! Tất cả khâu chuẩn bị của quý phụ huynh, quý mạnh thường quân thì hầu ... không thấy mà chỉ ... thấy mọi thứ từ từ mang tới, bày ra mỗi lúc một nhiều, bánh các loại, chè ... xôi để phát hành cũng đầy dần 3 chiếc bàn dài ngay trước mắt mọi người, mà nhiều thứ không biết là của ai ... Nhóm phát hành cứ vô tư định giá bán cho “vui lòng người đến, vừa ý người đi”, vậy mà cũng được hơn 500 Euro.

Giờ ngộ đã điếm, lúc ấy cơ bản cũng đã hoàn thành, mỗi bàn một lọ hoa hồng ... “không bao giờ tàn phai”, cắm trong cái chai, đây cũng nhờ sự chu đáo của chị thủ quỹ và mấy em thiếu! Khi đó cũng đã khá đông người đến, song ai cũng muốn đợi thầy trụ trì chùa, kiếm cố vấn giáo hạnh tới mới ... khai mạc! Nhưng nghe đâu Thầy bận và sẽ đến sau, đúng thời điếm ấy có một nhóm chắc là ... “quốc tịch ...âu ...mỹ”, nhìn đồng hồ rồi tự động xếp hàng... và triển khai ... “ăn, uống theo nhu cầu, ủng hộ tùy khả năng” như tinh thần ... quảng cáo, nên ban tổ chức tuyên bố ... bắt đầu! Mấy anh chị em trong ban ... “giám đốc”, cùng đội ngũ phụ huynh cốt cán trong ban ... “dám làm” ... thấy mọi người ăn ngon là vui và tiếp tục công việc ... phục vụ của mình, nhiều người mãi tới chiều ... mới nhớ là từ sáng tới giờ chưa hề ăn uống gì! Thật rõ ... mắt trần khó thấy được tâm! Xin được tỏ lòng tán thán tất cả mọi người!

Gia đình phật tử Chánh Tín thật tự hào vì 9 năm qua luôn được sự ủng hộ của mọi người, có rất nhiều ông bà, cô bác, anh chị từ thuở hàn vi sơ khai! Đặc biệt là đội ngũ công thần của hội từ thiện München, quý cố bác siêng đến chùa công quả thì khỏi nói rồi! Niềm tự hào được nhân lên khi Thầy cố vấn giáo hạnh mới từ HOA KỲ về hôm trước nay cũng đến dự, vì bận công chuyện nên Thầy tới trễ hơn giờ khai mạc một chút, Thầy được bác gia trưởng giới thiệu lên phát biểu, mọi người chăm chú lắng nghe từng lời của Thầy, và Thầy đã hoan hỷ rút ra 100 \$ ủng hộ đồng bào bão lụt, ai cũng thấy được là Thầy rất vui khi những đứa con tinh thần của mình làm tốt những việc thiện nguyện! Xa hơn nữa các chị huynh trưởng GDPT Chánh Dũng đưa cả mami đến dự, mang theo sự ủng hộ của bà con trên Nürnberg xuống!

Thêm niềm vui mới và thật bất ngờ là các bạn trong hội sinh viên, một số cũng là “vũ sinh” đi theo “vũ sư” và phu nhân đến, ai mà chẳng thấy ở họ nét vui tươi dù không ít “vũ sinh” ... mái tóc xanh xưa ... nay đã điếm màu ... bóng thời gian che lấp những hồng cầu! Có lẽ mọi người yêu nghệ thuật qua nhiều vũ điệu



quốc tế, như samba cho tình yêu, tango ... thêm hạnh phúc, chachacha, salsa ... tăng sức khỏe để yêu đời, ai muốn đẹp người, tốt nét, để có được nếp sống văn minh, gia đình hạnh phúc, thì hãy chăm chỉ đi học nhảy, thả hồn vào từng bản nhạc, từng bước chân của mỗi vũ điệu, rồi mỉm cười với mọi người xung quanh, ta sẽ thấy yêu cuộc sống và thương tất cả ... tin tưởng nhau biết chừng nào!

Còn rất nhiều người đã được mời, dù họ đến hay không trong bữa cơm từ thiện ấy, GDPT Chánh Tín cũng đều cảm ơn, vì ít nhiều họ cũng đã ... thấy tờ quảng cáo! Cũng có thể người ta đã ... chỗ này, chỗ kia bằng nhiều cách khác nhau cũng quên góp rồi, miễn sao những mảnh đời khốn khó trong lúc hoạn nạn nhận được sự trợ giúp!

Có nhiều thật nhiều việc thiện ... thấy và có bao việc cũng như người hành thiện ta ... không thấy!... Song mong ước rằng mỗi chúng ta, hàng ngày dành một phút “nhập từ bi” để quán chiếu lại chính mình, coi hôm đó có thấy...được bao nhiêu ý hay, nói bao nhiêu lời đẹp và bao nhiêu việc làm tốt! Để có thể hàng năm cứ vào mùa thu lá bay, ngắm nhìn những cánh lá vàng rơi rụng rơi tả, cây rừng trơ trọi mà cùng nhau nhặt một chiếc lá lành lặn nơi tâm mình, để đùm lại những cuộc đời đói rách giữa hành tinh bao la này.

Chẳng ai mong thiên tai tàn phá để mà huy động ủng hộ, nhưng lúc nào cũng có những trẻ em tàn tật, hay mang bệnh hiểm ác trong ... nhà nghèo, rồi bao cây cầu chưa xây, khi nào các em thơ ở tuổi đến trường mới hết bỏ mạng trên đường ... đi học khi qua những dòng sông chảy xiết. Nhiều đến bao la những việc thiện đang chờ ta nhìn ... thấy!

**N**gày mai 02.11., ai cũng phải đi làm nên công việc dọn ... lại, cũng lại rai từ 18h, khi hết khách còn lại đúng ban “giám đốc“, giờ thì dốc toàn sức mà bê đồ vào xe chở về hay đi trả lại chùa, lúc đến 3 xe đầy, về cũng đầy 3 xe, song có 1 xe ... toàn rác! May sao có 2 anh chị chăm chỉ bỏ tất, ủng hộ tiền nhiều và làm cũng từ sáng tới giờ ... không còn ai! Cảm ơn anh chị cũng như quý phụ huynh đã giúp cho bữa cơm xã hội ủng hộ đồng bào bão lụt miền Trung thành tựu, và ... thấy được đám trẻ tưởng chỉ biết chơi nay làm thế nào, số tiền 3.200 Euro thu hôm ấy đã gửi về chùa Viên Giác ngày 02.11, đồ mọn chùa đã trở về vị trí cũ ... đúng 2 tuần ... nhanh, gọn, thành công chưa...thấy bao giờ! Và chắc ai cũng ... thấy: kẻ giàu là kẻ có lắm của nhiều tiền, nhưng người giàu hơn là người luôn ... cho những gì mình có!!! Nhưng còn rất nhiều người ... không thấy, cho người khác, giúp người khác, chỉ bảo cho người những điều hay, lẽ phải ... là đang làm cho chính bản thân ta hoàn thiện hơn ... Vậy sao ta không chịu thấy mà ... xin được chào kính tất!!

Nam mô Thường Hành Thiện Bồ Tát Ma Ha Tát.  
München, 05.11.06

# Tình Mẹ



Lê Viết Lâm

Nói đến mẹ con là nói đến mối tương quan đậm đà thấm thiết trong bốn phận, tình cảm thiêng liêng của con người có đạo hiểu, có truyền thống văn hóa dân tộc, ngàn trăm năm trước cũng như mãi mãi về sau vẫn không bao giờ thay đổi.

Nhất là đối với phương Đông trầm lặng, thích sống nội tâm, không thích bon chen, tranh đua, không màng tranh biện hơn thua sai đúng, con người hướng thượng, thì ơn nghĩa sinh thành dưỡng dục luôn luôn được xem trọng, đề cao.

... Biết được “tin vui”, mẹ âm thầm bắt đầu lo lắng đủ điều, từ giữ gìn bảo trọng sức khỏe, sắp đặt chiếc áo, tấm quần cho trẻ sơ sinh, chiếc áo len ngăn lạnh, chiếc áo ngắn che nóng, chiếc mền nhỏ nhắn, chiếc nôi xinh xinh, vài món đồ chơi ngộ nghĩnh ... suốt ngày đi vào đi ra, đi tới đi lui, lúc ngồi lúc nằm, lúc làm việc, lúc nghỉ ngơi, lúc xem sách, lúc nguyện cầu ... không lúc nào mẹ không nghĩ đến đứa con sắp sinh. Mẹ cẩn thận giữ gìn từng bước đi, chậm rãi để khỏi té ngã, sợ ảnh hưởng đến thai nhi, lựa chọn món ăn, thức uống, mẹ ăn là ăn cho con, mẹ nói là nói giùm con, mẹ sống là vì con, rất mong khi con chào đời, con sẽ rất dễ thương nụ cười giống mẹ, giống cha. Vì thế trên chiếc bàn nhỏ để cạnh đầu giường, mẹ đã không quên thiết trí một hình ảnh đẹp nhất, thánh thiện nhất như hình một em bé rất xinh xắn dễ thương, hoặc, là thần tượng tôn kính của mẹ, như hình mẹ hiền Quan Âm với dáng dấp thanh cao, hiền dịu.

Rồi theo thời gian, cái thai lớn dần, mẹ lại vui hơn nhưng cũng không kém phần lo lắng đủ điều. Thương con, gắn liền mạng sống của mẹ, mẹ đã bắt đầu nghĩ đến vấn đề thai giáo để con mẹ sau này lúc nào cũng là người con hiếu hạnh, xứng đáng là con ngoan của mẹ, người công dân gương mẫu của dòng giống Lạc Việt.

Gần ngày sinh, mẹ trông đợi, giữ bình tĩnh nhưng lòng không khỏi lo âu, nhất là đối với đứa con so đầu lòng, mẹ chưa một lần có kinh đều thành tâm nguyện cầu, xin ơn trên ban phước nghiệm về mang nặng đẻ đau. Ngày đêm từng giờ từng phút mẹ lành cho mẹ tròn con vuông, gia đình nở rộ tiếng khóc, cười trong hạnh phúc đầm ấm một nhà hòa thuận tin vui.

Bụng mẹ quặn đau, tiếng khóc oe oe khi con ra đời, nước mắt mẹ âm thầm tuôn chảy mà lòng mẹ sung

sướng vô cùng. Mẹ bắt đầu có niềm vui lớn, gia đình có thêm một bông hoa chóng nở, tiếng cười tiếng khóc của trẻ đều là hạnh phúc của mẹ. Mẹ báo tin cho bà con nội ngoại, bạn bè xa gần biết, như thể mẹ vừa trúng số độc đắc không bằng.

Theo thời gian con lớn lên, mẹ tập cho con từng bước đi, lúc đầu còn chập chững, từ từ vững chắc, con đi đứng được, nói năng được, đầu chỉ vài ba tiếng bập bẹ, mẹ mừng lắm lắm.

Con lên năm, sáu tuổi, mẹ đã nghĩ đến việc đưa con vào trường học hành văn chương, lễ nghĩa... “Con đi trường học, mẹ đi trường đời.”

Con khôn lớn, mẹ vẫn không rời con, luôn luôn gần gũi dạy dỗ, nhất là đối với con gái, mẹ lại càng nhất mực giáo dục căn dặn đủ điều, sợ sau này lúc về nhà chồng con mình bị mang tiếng là cha mẹ thiếu dạy nên con hư hỏng.

Nhìn chung, mẹ dạy con nhiều lắm, chung quy cũng do tình thương của mẹ to lớn vô cùng, bao la như biển thái bình, bền bỉ như suối nguồn tuôn chảy không cạn.

Nhưng lời mẹ ân cần dạy dỗ nhất đối với con vẫn là luôn luôn muốn con giỏi giang đức hạnh, qua tục ngữ “Học Ăn, Học Nói, Học Gói, Học Mổ”... theo truyền thống tập quán của dân tộc Việt.

Ăn, danh từ quen thuộc, tưởng chừng nói ra là hiểu được, không hề cũng khá phức tạp. Sợ con theo tập khí tham ăn, ăn không kể giờ giấc, nơi chốn, ăn quên nhường người trên kẻ dưới, gắp gì ăn nấy, mẹ dạy con “ăn nhắm nòi, ngồi nhắm hương”, ham ngon miệng không cần bỏ dưỡng, tranh ăn không biết xấu hổ then thùng, mẹ dạy “miếng ăn là miếng tội tàn ...”, “Ăn để sống, không phải sống để ăn”. Rồi khi thì đóng vai vị thầy thuốc, mẹ dạy con chỉ ăn những thức ăn có khả năng nuôi dưỡng thân thể và bảo trì sức khoẻ, khi lại là vị thầy dạy luân lý đạo đức mẹ nhắc nhở con trước khi ăn hãy tự hỏi thức ăn này từ đâu tới, có phải là tặng phẩm của đất trời cộng với bao công phu lao tác và phải biết rằng thức ăn của ta có thể tạo ra bằng sự đau khổ của những loài hữu tình và vô tình khác.

*“Hai tay nâng bát cơm đầy,  
Đẻo thơm một hạt, đắng cay muôn phần”.*

Từ đó, mẹ dạy con:

*“Ăn trái nhớ kẻ trồng cây”,  
“Uống nước nhớ nguồn”,  
“Ăn cây nào rào cây ấy”.*

Ngoài những thức ăn nuôi sống cơ thể, con cũng cần những thức ăn cho tinh thần. Mẹ lưu ý con loại bỏ những sách báo, phim ảnh ... đồi trụy, bạo động, tránh xa những nơi giải trí vô bổ, sa đọa. Những món ăn tinh

thần phải là những thứ làm cho tâm con thoải mái, trí tuệ con ngày một mở mang.

Nói cũng vậy, tuổi ấu thơ mẹ dạy con tập đánh vần để con nói đúng mặt chữ vần tắc, vần bằng đã là khó, đừng cà lăm, ngọng nghịu sai đâu chính tả đã là khó, mà lần lượt tập cho con nói có câu, câu ngắn, câu dài không sai văn phạm lại càng khó hơn. Càng lớn, mẹ dạy thêm cho con về công dụng của lời nói, về việc dùng ngữ ngôn lúc giao tiếp với mọi người, về tác dụng của nói năng và im lặng “lời nói là bạc, im lặng là vàng”, khi nào xử dụng ái ngữ (lời nói yêu thương) để xây dựng tinh thân ruột thịt gia đình, bạn bè, luân lý “lời nói không mất tiền mua, lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau”, hoặc muốn có tuệ giác, an lạc thì lời nói phải ngay thẳng, đúng đắn và thành thật, nên nói lúc nào và nói với đối tượng nào.

Ngạn ngữ Pháp có câu “Hãy uốn lưỡi bảy lần trước khi nói” nhằm nhắc nhở, trước khi nói hãy suy nghĩ cho kỹ, vì lời nói có thể đem vui hay buồn, đau khổ hay hạnh phúc, tự tại hay khiếp sợ đối với kẻ khác ... Ông bà ta có câu “nói nhiều, nói nhanh thì hay trật” là thế đó. Người ăn không ngồi rồi thường là người hay ngồi lê đôi mách, ăn nói không chủ đích, trở thành con người mất tư cách bị mọi người khinh rẻ. Trái lại khi cần dùng lời nói để giáo dục, khuyên lơn, bênh vực lẽ phải thì dầu có gặp phiền toái cho mình mà thực hiện được đạo nghĩa, chân lý thì vẫn mạnh dạn cương quyết không từ nan. Nói cũng là lời ban lệnh, như lệnh tiến quân của người chỉ huy giữa trận tiền, pháp lệnh của quan tòa giữa tòa án, hậu quả lời nói rất quan trọng, liên hệ đến tự do và mạng sống con người, phải hết sức cẩn trọng, sai một ly, đi một dặm, làm máu đổ, đầu rơi, khổ đau biết bao cho nhiều người liên hệ.

Tại nhà trường thầy giáo dùng lời nói để giảng dạy học trò nên người hữu dụng, tại Phật đường, Thánh đường, lời thuyết giảng của Chư Tăng Ni và Linh mục với nghĩa lý lúc thì thực dụng, lúc thì triết học cao siêu, đã giúp ích rất nhiều cho con người phạm phu trần tục mau chuyển mê thành giác, sớm được phép lành mầu nhiệm, được an vui hạnh phúc.

Con sắp trưởng thành, mẹ dạy con trai phải mạnh dạn, lanh lợi, tự tin, không ganh tỵ, ích kỷ nhỏ nhen, xông pha vì đời, để lại tiếng thơm muôn thuở, con gái phải nét na, đảm đang, công dung ngôn hạnh, như:

*“Công là đủ mùi xôi thức bánh,  
Nhiệm nhặt thay đường chỉ mũi kim.  
Dung là nét mặt ngọc trang nghiêm,  
Không tha thướt nói cười lơ lả”.*

(Gia huấn ca Nguyễn Trãi)

Ngôn là lời nói khiêm tốn, hiền hòa, dễ thương:

*“Chim khôn hót tiếng rảnh rang,  
Người khôn nói tiếng dịu dàng dễ nghe”*

Và hạnh là nét đẹp bên trong, là nét na, hương thơm của người con gái đức hạnh có thể lan tỏa khắp mọi nơi, gây được cảm tình tốt đẹp và sự thân thiện quý mến, kính trọng của người khác.

Khi con vào đời, mẹ còn dạy con cách giao tiếp với nhân quần xã hội “tam nhơn đồng hành, tất hữu ngã sư”, hoặc chọn bạn mà chơi, “gần mực thì đen, gần đèn thì sáng”, học hành ở trường, học khôn qua bạn, học mãi không ngừng, và đừng cống cao ngã mạn khinh người, nịnh trên nạt dưới, giữ tư cách của con người có học, có hành, có nhân cách. Noi gương sáng của người con trong “nhị thập tứ hiếu”, của ông Carnot, khi đang làm thủ tướng nước Pháp trở về thăm trường cũ, thầy cũ vẫn luôn luôn xưng tụng trước mọi người về công ơn giáo dưỡng lớn lao của thầy, một mực kính yêu ghi nhớ ơn thầy mãi mãi với tâm thành đền đáp.

.....

Tình thương của mẹ đối với con, tình con đối với mẹ không dựa trên nguyên tắc bổn phận, luật pháp xã hội quốc gia ban hành, mà là mẹ thì thương con, là con thì thương mẹ, tình cảm rất tự nhiên cao quý, thiêng liêng bền bỉ, không lấy tiền mua được, không dùng sức mạnh khuất phục được, và cũng không có bút mực nào diễn tả hết được. ❖

## Tâm Không

Tìm chi bởi rồi thôi về  
 Bên hiên vắng nọ nằm nghe gió lùa  
 Chiều chiều mắc võng đong đưa  
 Hai đầu biển núi bốn mùa lặng thình  
 Nghe mưa nắng vắng tự tình  
 Và trong sâu thẳm tâm linh vọng vờn  
 Thấm đây hương vị cô đơn  
 Hòa âm nhật nguyệt tiếng hồn thi ca  
 Từng lời Không cảm giao hòa  
 Không tâm, không cảnh, không ta, không người  
 Từ mộng đến mộng mà thôi  
 Giữa vòng biển chuyển muôn đời nhân duyên  
 Dứt sầu lo bật ưu phiền  
 Về đây thanh tịnh bình yên cõi lòng  
 Vắng trắng Tuệ chiếu xanh trong  
 Sáng ngời chân nghĩa huyền đồng Nhất Như.

Tâm Như

## Tùy bút

# Huy Hiệu Hoa Sen



Mêu lên chủ đề Huy Hiệu Hoa Sen trong G.Đ.P.T dĩ nhiên toàn thể Lam viên đều đã thông hiểu qua các lời huấn giảng của các Anh Chị Huỳnh Trưởng trong các buổi sinh hoạt của G.Đ.P.T.

Trong bài này tôi xin chân thành tâm sự với các em Thanh Thiếu nam nữ trong phạm vi G.Đ.P.T. mà thôi. Đặc biệt lưu tâm đến các em mới gia nhập đoàn, trước ngày dự lễ Phát nguyện. Mong quý Anh Chị Trưởng hoan hỷ bổ khuyết thêm về bài này, và thường hướng dẫn các em từ lý thuyết đến thực hành qua Ý Nghĩa Hoa Sen.

Các em thân mến,

Nhờ một thiện duyên, tôi nhập vào gia đình Lam viên từ 1954, kể cũng tạm gọi là lâu rồi? Được may mắn khoác chiếc áo màu Lam, màu xám tro, màu khói hương v.v... Tuy gọi là màu hoại sắc, nhưng tâm cảm riêng, tôi thấy màu dịu dịu thân thương, hợp với ánh mắt nhìn của mình. Sau ba tháng, tôi sinh hoạt với đoàn Thiếu nam, các Anh Chị cấp Trưởng đề nghị cho tôi tham dự lễ phát nguyện, đọc năm điều luật, châm ngôn Bi Trí Dũng của G.Đ.P.T. và gắn huy hiệu Hoa Sen.

Dù qua bao cuộc thăng trầm, sóng gió giữa biển đời, hình dáng, màu sắc, biểu tượng của chiếc Hoa Sen vẫn uy nghi gắn bó cài trên cột túi áo Lam đoàn Nam và Nữ theo hệ thống tổ chức của G.Đ.P.T. Từ đó, càng ngày tà áo Lam tung bay khắp chốn, Hoa Sen tươi nở, ngát hương mọi miền, thâm tình tuổi trẻ nối liền bốn phương.

Các em Thanh, Thiếu, Lam viên thân mến ơi!

Xin hỏi các em, đã từng có lần nào, các em cầm huy hiệu Hoa Sen, lại để tâm nhìn thật kỹ? Hơn thế, các em có còn nhớ trong một buổi, sáng hay chiều ngày sinh hoạt của G.Đ.P.T., có thể tại chùa hoặc tại một địa điểm nào đó mà các em được tham dự lễ phát nguyện, cùng chấp tay quỳ dưới nghiêm đài và nhìn chân dung Từ Bi của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, đấng cha lành muôn thuở, đồng thời có chư vị Tôn Đức hoan hỷ với Thầy Giáo Hạnh đến tham dự, để chứng minh cho các em? Các em đừng quên rằng, trong thời gian hành lễ, chúng ta đã xướng lớn tiếng lặp lại theo tiếng của một Anh hay Chị trưởng xướng (đọc) trước những câu phát nguyện vào Đoàn, 3 châm ngôn Bi Trí Dũng của G.Đ.P.T., 5 điều luật ngành Thanh Thiếu và 3 điều luật của Ngành Oanh ... Sau đó các em được vinh hạnh cài huy hiệu Hoa Sen lên cột túi áo Lam đoàn. Ngay lúc

Ấy các em đương nhiên tự hào đã là một Lam viên chính thức của G.Đ.P.T, một thành viên có uy thế hoạt động, có khả năng và đầy đủ điều kiện tiến xa hơn trong sự tu học giáo lý của đức Phật.

Bây giờ mong các em cùng tôi chú tâm nhìn toàn diện trên chiếc Hoa Sen G.Đ.P.T. và cùng nhau phân tách ý nghĩa, riêng mỗi phần, hầu trao đổi học hỏi lẫn nữa để nhớ thêm:

- Huy hiệu Hoa Sen, viên tròn màu trắng, có tám cánh sen trắng ngụy trên nền xanh màu cỏ (thường gọi màu xanh lá mạ) ý niệm màu hy vọng tương lai, màu đầy sức sống khoẻ mạnh vươn lên của thể hệ Thanh, Thiếu niên.

- Viên tròn sáng màu trắng, tượng trưng giáo pháp của đức Phật hoàn toàn viên dung, không bị chướng ngại. Màu trắng tượng trưng trong sạch và luôn ngời sáng khắp nơi.

- Tám cánh sen cụm lại, có ý nghĩa khuyên chúng ta hãy đùm bọc tương, kính và noi gương theo chư Tăng trong sinh hoạt đời sống xuất gia áp dụng "Lục Hòa kính".

- Ba cánh sen ở dưới, tượng trưng ba ngôi báu. Từ ngoài nhìn vào:

- Cánh giữa: **Phật**
- Cánh trái: **Pháp**
- Cánh phải: **Tăng**

- Mỗi cánh Sen ở trên biểu tượng cho một Hạnh nguyện rộng lớn của chư Phật, chư đại Bồ Tát. Từ ngoài nhìn vào:

1- Cánh sen chính giữa, biểu tượng **Hạnh nguyện Tinh tấn** của đức **Phật Thích Ca Mâu Ni**. Các em thân mến, cũng nhờ học được rõ ý nghĩa hạnh Tinh tấn nên thân, tâm tôi may mắn đã vượt qua bao khó khăn, lười biếng. Đó nhờ hồng ân Phật lực gia bị, do thường xung tán lễ lạy hồng danh đức từ phụ, nên ghi tâm dễ nhớ, tức thời ma chướng thân, tâm đều tiêu mất. Nhờ thế tôi thường đạt kết quả mọi sự việc chu đáo, chuyên tâm hành trì lễ, sám chí thiết hơn.

2- Cánh sen trái của cánh Tinh tấn biểu tượng **Hạnh Hỷ Xả**, của đức **Di Lặc**, là Đức Phật sẽ thị hiện giữa cõi Ta Bà này. Ngài sẽ nối tiếp dòng đạo, là giáo lý chư Phật, có năng lực giúp chúng sanh trong sáu cõi: Trời, A-tu-la, người, quỷ dữ, súc sinh, và địa ngục thoát ly vòng luân hồi, đau, khổ, mê mờ. Hỷ xả là biểu tượng nguồn vui, an lạc, giải quyết sự đau thương, đọa đày, thông khổ triền miên bất tận, nguyên do từ Thân, Miệng, Ý tạo ra nghiệp lực luân hồi, Sinh, Già, Bệnh Chết.

Mày các em, hãy nhìn nụ cười hiền hòa, hoan hỷ của đức Di-Lặc thường nhắc nhở chúng ta rằng: nếu có ai kia, họ đã cố ý hay vô tình làm buồn phiền đến thân,

tâm, ý, của mình hay những người khác, nên tự lượng sức nhẫn nhịn, tìm cách hóa giải, rất chân thành, vui vẻ, hơn thế ta cũng không nên để lại dấu ấn, trong tâm tâm sau khi mọi sự thể đã qua (Điều luật thứ 2 của GDPT: Phật tử mở rộng lòng thương, tôn trọng sự sống).

3- Cánh sen phải của cánh Tinh tấn biểu tượng **Hạnh Thanh Tịnh** của đức **Phật A-Di-Đà**, là biểu tượng cho sự tinh khiết, trong sạch. Sự "trong sạch từ thể chất, đến tinh thần từ lời nói đến việc làm", đã học giáo lý rồi?

Thể chất là cái thân ta, và các vật dùng thường ngày. Là người học Phật, xem cái thân do duyên hợp: Đất, Nước, Gió, Lửa mới có, những vật dùng hằng ngày cũng do duyên tụ lại mới thành, vì thế người Phật tử phải biết cách thức gìn giữ cái thân, theo giáo pháp đức Phật đã dạy, và việc tạo dựng, o bế, giữ gìn các vật dụng nên cần tiết chế đủ dùng.

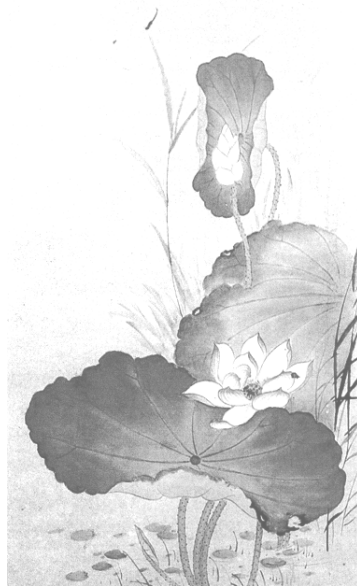
Tinh thần, là tâm ý ta luôn luôn suy tưởng điều thiện, có lợi ích chân thật, chính đáng cho mình và cho mọi người. Giáo lý đạo Phật là nền móng vững chắc, là năng lượng bao la quý hiếm, đáp ứng, cứu giúp mọi thành phần, tâm bất an, ý phiền não, thân gia ly tán khổ lụy.

Lời nói càng dễ dàng tạo nghiệp ác, nghiệp thiện. Chúng ta đã đều là Lam viên, luôn luôn có cơ hội may mắn, liên hệ với bạn đạo, thường sinh hoạt với đoàn, với G.Đ.P.T. gần gũi chư Tăng, đều là thiện trí thức, nương theo lời vàng, giáo pháp và tâm, ý luôn nhớ đến nội quy của G.Đ.P.T. và

từ đó chúng ta sẽ rất ít vi phạm ác nghiệp.

Việc làm, theo giáo pháp đức Phật dạy là "mạng nghiệp" nghĩa là việc làm trong sinh hoạt hằng ngày. Nên cố tránh được những nghề nghiệp trong giới sát, và may mắn có một việc làm thích hợp nhẹ nhàng, không khó khăn và nặng nhọc quá, đối với sức khỏe thể lực mình. Tuy nhiên, trong cuộc sống ở thế gian, dôn dập tham, ái, sân hận, si mê, năm dục "Tài, Danh, Sắc, Ăn uống, Ngủ nghỉ" bao vây chằng chịt từng phút giây. Mong rằng nhờ nhiều phước đức, từ nhiều kiếp trước xa, và nguyện cầu Phật lực gia bị mong xa ác kiến, tránh dữ nghiệp, thường có cơ duyên thực hành tăng thiện nghiệp.

4- Cánh sen trái của cánh Hỷ Xả biểu tượng **Hạnh Trí Tuệ** là của đức **Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát**, là vị Bồ Tát tiêu biểu cho đức trí sáng suốt, thông hiểu tất cả mọi sự, vật khắp nơi, chôn một cách thật chính xác, đúng đắn, không bao giờ lầm lẫn, sai sót, và là căn bản trí tuệ trong đạo Phật. Chúng ta đã là một Phật tử cần phải chí thiết suy tầm, tham học hỏi nhiều ở trong biên Giáo Pháp của đức Phật, nương theo các hạnh nguyện, đức trí chư vị Bồ Tát mới mong phát triển hạnh nguyện tu tâm dưỡng tánh, hầu trở nên những Lam



viên có năng lực, trí đức, nối tiếp tu chĩnh, phát triển gìn giữ mái nhà Lam.

5- Cánh sen phải của cánh Thanh Tịnh biểu tượng cho **Từ Bi** là đại hạnh nguyện của đức **Quán Thế Âm**. Hai chữ Từ Bi trong đạo Phật là: cứu giúp không giới hạn, không phân biệt đối với tất cả chúng sinh hoặc Trời, Người, A Tu La, súc sanh, yêu quái, và địa ngục, hoặc các loại có trí giác, có hình thể, sắc tướng hoặc không có. Loại có sắc tướng (thể, dạng) mà mắt thường chúng ta đã nhìn thấy như: người, các loại thú lớn voi, cọp, ngựa ... hay nhỏ nhít như côn trùng, kiến v.v... Còn chúng sanh khác không hình sắc tướng, hoặc có thể dạng mà không đồng nghiệp lực, như: Thai, Noãn, Hoá sinh. Như thế giới, cõi trần tục khổ lụy chúng ta ở đây, thì mắt thường của chúng ta khó mà thấy, hoặc không thể thấy được, chỉ có chư Phật, Bồ tát, các vị tu chứng đắc quả cao mới nhìn thấy, biết rõ mà thôi.

**Ở** đây, biểu tượng của Từ Bi là cứu giúp. Phải cứu giúp như thế nào mới đúng nghĩa trong Phật giáo, như có người nghèo khó, đói rách, họ sẽ được giúp đỡ tiền bạc, thì hết thiếu thốn khó khăn, đói rách. Bệnh tật, thương tích, khiếm khuyết thì đã có các Hội Từ Thiện tương trợ. Ấy là đề cập vào các xã hội văn minh, giàu có, nên hành chánh, khoa học tân tiến, phương tiện đầy đủ, và lòng người, ý thức sự tương thân, tương ái trong cuộc sống, đối với tha nhân.

Căn bản của đạo Phật thực sự là nương theo các đại hạnh như ghi trên làm hành trang "đem vui cứu khổ, đem hạnh phúc cứu đời". Đó là phương châm, là linh dược của chư Phật, để lại muôn đời cứu chúng sinh hết tất cả những thân bệnh, tâm bệnh ... và thoát ly sáu nẻo luân hồi khổ, quyết không rơi vào ba lối tội tam nguy hiểm Địa ngục, Quỷ dữ và Súc sanh.

**C**ác em Lam-viên thân mến, tuy là một Lam viên "sống lâu ra lão làng", tài đức khiếm khuyết nhưng tôi luôn luôn để tâm vào mái nhà Lam, và không thể quên bao kỷ niệm xưa và nay dưới mái hiên Chùa. Vì thế tôi xin gọi đến đoàn Lam trẻ, Thanh Thiếu Nam Nữ và đàn chim Oanh Vũ, lời nhắn nhủ chí thiết thật tâm "**Quyết Giữ Gìn Nền Móng và Mái Nhà Lam Thật Vững Bền** "

Thân ái mến chào  
**Quảng Thanh**

(Gia Trưởng GDPT Vạn Hạnh - Pháp quốc)



# Xây dựng xã hội



Trên nền tảng

Ngũ Giới

Nguyễn Phương

**B**ước vào ngưỡng cửa thế kỷ XXI, loài người đang dần khẳng định mình với những phát minh siêu việt của nền khoa học kỹ thuật hiện đại, nhưng cũng chính là lúc họ phải đau đầu với những vấn đề xã hội.

Họ chế tạo những máy móc tân tiến làm thay sức lao động con người và cho năng suất cao. Họ bay vào vũ trụ khám phá, tìm tòi, họ đào sâu vào lòng đất khai thác những mỏ khoáng sản có giá trị. Thế nhưng, bên cạnh đó thì xã hội loài người ngày càng rối ren, lộn xộn bởi tình trạng ô nhiễm môi trường sống, tệ nạn xã hội, tính chất bạo lực gia tăng và quan trọng hơn hết là vấn đề khủng hoảng tâm lý, nhất là giới trẻ.

Đứng trước những vấn đề đó, các nhà lãnh đạo đất nước từ Đông sang Tây đều có nhiều biện pháp nhằm ổn định lại xã hội. Nhưng tiếc thay, những giải pháp đó chỉ mang tính tạm thời không giải quyết triệt để vấn đề nên cũng như công dã tràng se cát mà thôi. Thử đơn cử một ví dụ, lấy vấn đề tệ nạn xã hội chẳng hạn. Thường ngày qua báo chí, ti vi, đài phát thanh hay những cuộc hội thảo bàn về tệ nạn xã hội... đều có những mục tuyên truyền về tác hại của các tệ nạn xã hội nhưng bên cạnh đó các vũ trường, khách sạn, phim ảnh, sách báo mang nội dung thiếu lành mạnh vẫn cứ lan tràn. Mặt khác, lòng tham con người thì vô đáy mà ma lực đồng tiền thì quá hấp dẫn nên càng ngày những bài tuyên truyền trở thành vô nghĩa và nhảm chán. Chúng ta sẽ chẳng thay đổi được gì nếu lòng tham con người vẫn chưa được soi sáng.

Vậy, phải làm thế nào để giải quyết các vấn đề này một cách trọn vẹn và hướng đến một xã hội ổn định thật sự? Cách đây hơn hai mươi lăm thế kỷ, khi đức Phật Thích Ca Mâu Ni hiện hữu giữa cõi Ta-bà này trên đất Ấn. Ngoài những giáo lý căn bản, ba mươi bảy phẩm trợ đạo và những giáo ý khác, đức Phật còn dạy về Tam quy-Ngũ giới. Ở đây, ta khoan bàn luận về pháp Tam quy mà chỉ xoay quanh Ngũ giới. Ngũ giới, đây là một nền móng quan trọng xây dựng nên đạo đức căn bản của một con người ở cuộc đời và cũng nền móng vững chắc để bước lên quả vị Chánh giác. Thói thường, phần lớn người đời đều hiểu rất sai lầm về Đạo Phật, cho rằng Đạo Phật cũng giống như các tôn giáo khác là siêu nhiên, là bi quan yếm thế, là trốn tránh cuộc đời... Hiểu như thế thì thật là quá thiên cận. Nếu chỉ nhìn sâu vào năm giới cấm này thôi, đã thấy

Đức Phật xây dựng năm giới cấm hoàn toàn trên nền tảng của nhân tính.

**C**on người vốn là sản phẩm hoàn hảo, là đấng con lai giữa chất Phàm và chất Thánh. Nói như một nhà triết học “*Con người không hẳn là thần thánh mà cũng không hẳn là thú vật*”. Không hẳn, tức là đều có mang trong mình chất phàm và chất thánh nên khi gặp điều kiện thuận lợi đối với bên nào thì bên đó phát triển. Cũng vậy, năm giới cấm của Đức Phật do xây dựng trên nền tảng của nhân tính, nên đây là điều kiện cần và đủ để hoàn thiện giá trị đích thực của con người. Nói cách khác, là nâng cao chất Thánh và xóa dần đi chất Phàm trong mỗi con người.

Quay trở lại với các vấn đề xã hội, một khi muốn xây dựng một xã hội tốt đẹp, muốn giải quyết những tiêu cực trong xã hội thì trước tiên cái nút cần phải gỡ chính là xây dựng con người.

Theo quan điểm của Phật giáo, một con người lý tưởng phải là con người được thiết lập bởi năm giới cấm.

**G**ới thứ nhất Đức Phật dạy đó là không sát sanh. Một người đã thọ nhận giới này thì suốt đời tránh xa sự giết hại, từ các bậc Thánh nhân, loài người cho đến các loài bàng sanh và ngay cả các loài có mạng sống, có tri giác. Không giết hại tức là trước hết tự tôn trọng và bảo vệ sự sống của mình, của mọi người và môi sinh. Xã hội sẽ tốt đẹp biết bao khi mọi con người trong xã hội biết tôn trọng sự sống của nhau, biết chia sẻ cho nhau tình người. Thử hỏi một xã hội như vậy thì vấn đề bạo lực có còn tồn tại hay không? Vấn đề môi sinh có còn đáng đề nhức đầu nữa hay không?

**B**ên cạnh sự tôn trọng, bảo vệ sự sống, con người phải biết thường xuyên luyện tập cách tôn trọng quyền tư hữu của kẻ khác cũng như tâm chia sẻ cho nhau. Đây là giới cấm thứ hai mà Đức Phật dạy để tránh xa sự trộm cắp từ vàng bạc châu báu cho đến cây kim ngọn cỏ. Thực hiện đầy đủ giới cấm này thì xã hội sẽ không còn những bất công, sẽ không còn giai cấp đối kháng nhau. Hơn nữa, giới cấm này là liều thuốc hay nhất để đối trị tâm tham lam của con người. Một khi tâm tham lam bị loại bỏ thì sẽ giải quyết được rất nhiều mặt tiêu cực của xã hội như tham nhũng, buôn lậu vv...

**N**hư đã nói ở trên, muốn xây dựng xã hội thì trước tiên phải xây dựng con người. Xã hội sẽ chẳng thể nào ổn định một khi giá trị nhân bản của con người bị chà đạp. Quay trở về với các chế độ chính trị trước đây như chế độ chiếm hữu nô lệ hay phong kiến. Con người bị mua bán như một đồ vật, trở thành nô lệ, tay sai cho những ông chủ giàu có lạm quyền hành. Nhìn lại xã hội loài người hiện nay tuy rằng không có những biểu hiện một cách lộ liễu như vậy nhưng dưới hình thức này hay hình thức khác giá trị con người vẫn chưa

được khẳng định. Góp phần tích cực với những thế lực, những phần tử chà đạp lên giá trị con người chính là sự tà hạnh. Đây cũng là nguyên nhân chính gây nên nhiều tệ nạn xã hội và chìm sâu những phẩm tính cao quý của con người xuống tận đáy bùn đen. Ý thức được những tác hại to lớn do tà hạnh gây ra, nên Đức Phật đã cảnh báo cuộc đời bằng cách tuyên bố giới cấm thứ ba. Người giữ giới cấm này suốt đời tránh xa sự tà hạnh, ngoại trừ vợ chồng đã cưới hỏi hợp lý. Giữ được một cách trọn vẹn như thế thì cũng đồng nghĩa tự nâng cao giá trị nhân bản của chính mình. Từ nơi giá trị nhân bản của mỗi con người sẽ đi đến một xã hội có tính nhân bản cao. Hơn nữa, đứng trên một khía cạnh nào đó, giới cấm này nhằm bảo vệ hạnh phúc cho con người, gia đình và xã hội.

Hiện nay trên thế giới tình trạng ly hôn đang đứng trước con số đáng báo động và gây ra khủng hoảng gia đình. Những biểu hiện đó cũng đều bắt nguồn từ tác nhân của sự tà hạnh. Thế nên, giới cấm thứ ba này là bức thông điệp hạnh phúc mà Đức Phật đã trao tặng cho thế giới.

Ở đây, thiết nghĩ cũng cần lạm bàn thêm về căn bệnh thế kỷ HIV/AIDS. Đây là vấn đề nóng bỏng, là hiểm họa của toàn nhân loại. Căn bệnh này đã cướp đi biết bao sinh mạng con người, hủy hoại biết bao thế hệ. Do đó, căn bệnh này gây sự chú ý rộng lớn, đã có rất nhiều tổ chức, nhiều cuộc hội thảo mang tính quốc tế nhằm ngăn chặn nó. Thế nhưng, tình hình nhìn chung vẫn không mấy sáng sủa. Tại sao vậy? Cũng do chúng ta chỉ đối trị mang tính hình thức mà nội dung thì chưa sâu sắc. Có bao giờ con người nhìn sâu và chiêm nghiệm nguồn gốc của nó chưa? Thử hỏi muốn diệt cỏ cú mà không đào sạch củ của nó thì có diệt được không? Khi đã có được cái nhìn sâu, thấy rõ sự tà hạnh chính là cái gốc của căn bệnh thế kỷ này, thì chúng ta tiêu diệt nó bằng cách áp dụng giới cấm thứ ba vào đời sống xã hội. Với giới không tà hạnh, ý thức của mỗi người tự nâng cao. Chính ý thức con người được nâng cao nên việc loại bỏ căn bệnh này không phải là điều không tưởng.

**Q**ua ba giới cấm đã trình bày, thì một xã hội ổn định, tươi đẹp đang dần dần được định hình. Nhưng ở đây Đức Phật muốn hoàn thiện thêm nhân cách con người, xã hội nên dạy chúng ta giới cấm thứ tư và thứ năm.

**G**ới cấm thứ tư là không nói dối nghĩa là suốt đời tránh xa lời nói có nói không, không nói có, nghe nói không, không nói nghe... Đây là một vấn đề rất nhạy cảm đối với xã hội. Hiện nay, niềm tin giữa con người với nhau đang sút mẻ dần. Một xã hội mà niềm tin giữa con người với nhau không được bảo đảm thì xã hội đó sẽ chìm trong đau khổ và phiền não. Tất cả sự sút mẻ về niềm tin này đều do lời nói, hành động không chân thật gây nên. Một lời nói, một hành động được gọi là không chân thật biểu hiện qua bốn hình thức. Thứ nhất là lời nói, hành động mang tính dối trá,

hư vọng. Thứ hai là lời nói thù ghét, phóng đại. Thứ ba là lời nói thô ác, mắng nhiếc nhau và thứ tư là lời nói hai lưỡi. Do đó, giới cấm thứ tư này có công năng bảo đảm giá trị, uy tín cho con người. Thêm nữa, giới cấm này cũng nhằm củng cố niềm tin giữa con người với nhau và đi đến một xã hội không còn nghi ngờ, không còn lường gạt nhau để sống.

Từ nhân cách con người được nâng cao và hoàn thiện thì trí tuệ cũng cần được khai mở để đi đến một xã hội mà trong đó mỗi con người hội đủ hai yếu tố Trí và Đức. Muốn đạt được như vậy thì phải ý thức về những khổ đau do sự tiêu thụ những thực phẩm của thân và tâm một cách thiếu suy nghĩ. Đây là toàn bộ nội dung mà giới cấm thứ năm của đức Phật đã dạy. Người thọ giới này suốt đời tránh xa uống các thứ rượu và mọi thứ làm cho tinh thần đảo lộn say sưa. Ở đây, nếu ta nhìn vào giới cấm này bằng chiều sâu của con mắt tuệ quán thì giới cấm này không những bảo đảm cho chính bản thân người hành trì mà còn bảo đảm cho đời sống tổ tiên, dòng họ tâm linh và huyết thống của họ nữa.

Qua một số trình bày mang tính đại cương về vấn đề xây dựng xã hội trên nền tảng của ngũ giới như vậy, cho thấy bản chất tích cực của Phật giáo đi vào cuộc đời. Nhưng đầu sao, trên sách vở cũng chỉ là một mớ lý thuyết hỗn độn, Điều quan trọng chính là ở nơi ý thức hệ của mỗi con người. Nói cách khác, mỗi người chính là mỗi viên gạch để cùng nhau xây dựng nên bức tường xã hội tốt đẹp và vững chắc. biết chia sẻ cho nhau tình người. Thử hỏi một xã hội như vậy thì vấn đề bạo lực có còn tồn tại hay không? Vấn đề môi sinh có còn đáng để nhức đầu nữa hay không?

Bên cạnh sự tôn trọng, bảo vệ sự sống, con người phải biết thường xuyên luyện tập cách tôn trọng quyền tư hữu của kẻ khác cũng như tâm chia sẻ cho nhau. Đây là giới cấm thứ hai mà Đức Phật dạy để tránh xa sự trộm cắp từ vàng bạc châu báu cho đến cây kim ngọn cỏ. Thực hiện đầy đủ giới cấm này thì xã hội sẽ không còn những bất công, sẽ không còn giai cấp đối kháng nhau. Hơn nữa, giới cấm này là liều thuốc hay nhất để đối trị tâm tham lam của con người. Một khi tâm tham lam bị loại bỏ thì sẽ giải quyết được rất nhiều mặt tiêu cực của xã hội như tham nhũng, buôn lậu vv...

Như đã nói ở trên, muốn xây dựng xã hội thì trước tiên phải xây dựng con người. Xã hội sẽ chẳng thể nào ổn định một khi giá trị nhân bản của con người bị chà đạp. Quay trở về với các chế độ chính trị trước đây như chế độ chiếm hữu nô lệ hay phong kiến. Con người bị mua bán như một đồ vật, trở thành nô lệ, tay sai cho những ông chủ giàu có lăm quyền hành. Nhìn lại xã hội loài người hiện nay tuy rằng không có những biểu hiện một cách lộ liễu như vậy nhưng dưới hình thức này hay hình thức khác giá trị con người vẫn chưa được khẳng định. Góp phần tích cực với những thế

lực, những phần tử chà đạp lên giá trị con người chính là sự tà hạnh. Đây cũng là nguyên nhân chính gây nên nhiều tệ nạn xã hội và chìm sâu những phẩm tính cao quý của con người xuống tận đáy bùn đen. Ý thức được những tác hại to lớn do tà hạnh gây ra, nên Đức Phật đã cảnh báo cuộc đời bằng cách tuyên bố giới cấm thứ ba. Người giữ giới cấm này suốt đời tránh xa sự tà hạnh, ngoại trừ vợ chồng đã cưới hỏi hợp lý. Giữ được một cách trọn vẹn như thế thì cũng đồng nghĩa tự nâng cao giá trị nhân bản của chính mình. Từ nơi giá trị nhân bản của mỗi con người sẽ đi đến một xã hội có tính nhân bản cao. Hơn nữa, đứng trên một khía cạnh nào đó, giới cấm này nhằm bảo vệ hạnh phúc cho con người, gia đình và xã hội.

Hiện nay trên thế giới tình trạng ly hôn đang đứng trước con số đáng báo động và gây ra khủng hoảng gia đình. Những biểu hiện đó cũng đều bắt nguồn từ tác nhân của sự tà hạnh. Thế nên, giới cấm thứ ba này là bức thông điệp hạnh phúc mà Đức Phật đã trao tặng cho thế giới.

Ở đây, thiết nghĩ cũng cần lạm bàn thêm về căn bệnh thế kỷ HIV/AIDS. Đây là vấn đề nóng bỏng, là hiểm họa của toàn nhân loại. Căn bệnh này đã cướp đi biết bao sinh mạng con người, hủy hoại biết bao thế hệ. Do đó, căn bệnh này gây sự chú ý rộng lớn, đã có rất nhiều tổ chức, nhiều cuộc hội thảo mang tính quốc tế nhằm ngăn chặn nó. Thế nhưng, tình hình nhìn chung vẫn không mấy sáng sủa. Tại sao vậy? Cũng do chúng ta chỉ đối trị mang tính hình thức mà nội dung thì chưa sâu sắc. Có bao giờ con người nhìn sâu và chiêm nghiệm nguồn gốc của nó chưa? Thử hỏi muốn diệt cỏ cú mà không đào sạch củ của nó thì có diệt được không? Khi đã có được cái nhìn sâu, thấy rõ sự tà hạnh chính là cái gốc của căn bệnh thế kỷ này, thì chúng ta tiêu diệt nó bằng cách áp dụng giới cấm thứ ba vào đời sống xã hội. Với giới không tà hạnh, ý thức của mỗi người tự nâng cao. Chính ý thức con người được nâng cao nên việc loại bỏ căn bệnh này không phải là điều không tưởng.

Qua ba giới cấm đã trình bày, thì một xã hội ổn định, tươi đẹp đang dần dần được định hình. Nhưng ở đây Đức Phật muốn hoàn thiện thêm nhân cách con người, xã hội nên dạy chúng ta giới cấm thứ tư và thứ năm.

Giới cấm thứ tư là không nói dối nghĩa là suốt đời tránh xa lời nói có nói không, không nói có, nghe nói không, không nói nghe... Đây là một vấn đề rất nhạy cảm đối với xã hội. Hiện nay, niềm tin giữa con người với nhau đang sút mẻ dần. Một xã hội mà niềm tin giữa con người với nhau không được bảo đảm thì xã hội đó sẽ chìm trong đau khổ và phiền não. Tất cả sự sút mẻ về niềm tin này đều do lời nói, hành động không chân thật gây nên. Một lời nói, một hành động được gọi là không chân thật biểu hiện qua bốn hình thức. Thứ nhất là lời nói, hành động mang tính dối trá,

hư vọng. Thứ hai là lời nói thù ghét, phóng đại. Thứ ba là lời nói thô ác, mắng nhiếc nhau và thứ tư là lời nói hai lưỡi. Do đó, giới cấm thứ tư này có công năng bảo đảm giá trị, uy tín cho con người. Thêm nữa, giới cấm này cũng nhằm củng cố niềm tin giữa con người với nhau và đi đến một xã hội không còn nghi ngờ, không còn lườm gạt nhau để sống.

Từ nhân cách con người được nâng cao và hoàn thiện thì trí tuệ cũng cần được khai mở để đi đến một xã hội mà trong đó mỗi con người hội đủ hai yếu tố Trí và Đức. Muốn đạt được như vậy thì phải ý thức về những khổ đau do sự tiêu thụ những thực phẩm của thân và tâm một cách thiếu suy nghĩ. Đây là toàn bộ nội dung mà giới cấm thứ năm của đức Phật đã dạy. Người thọ giới này suốt đời tránh xa uống các thứ rượu và mọi thứ làm cho tinh thần đảo lộn say sưa.

Ở đây, nếu ta nhìn vào giới cấm này bằng chiều sâu của con mắt tuệ quán thì giới cấm này không những bảo đảm cho chính bản thân người hành trì mà còn bảo đảm cho đời sống tổ tiên, dòng họ tâm linh và huyết thống của họ nữa.

Qua một số trình bày mang tính đại cương về vấn đề xây dựng xã hội trên nền tảng của ngũ giới như vậy, cho thấy bản chất tích cực của Phật giáo đi vào cuộc đời. Nhưng dấu sao, trên sách vở cũng chỉ là một mô lý thuyết hỗn độn, Điều quan trọng chính là ở nơi ý thức hệ của mỗi con người. Nói cách khác, mỗi người chính là mỗi viên gạch để cùng nhau xây dựng nên bức tường xã hội tốt đẹp và vững chắc. ❖



# Trúc Xanh ...



... *Trúc xinh trúc đứng bên Đình  
Lam xinh lam đứng một mình vẫn xinh ...*  
Đẹp thay lớp học dễ thương  
Xinh thay Lam Nụ đang vươn đức tài  
Nữ công, gia chánh, thêu may ...  
Ngôn - hành, tâm niệm "Nhân - Kiên" ... hạnh tròn.

Tán dương mùa hạnh ... Từ Đàm ...  
Xứng danh con cháu Từ Dung ... Ngự Bình ...  
Cám ơn ... đại thụ ân tình ...  
Hòa thượng TÍN NGHĨA hết mình vì Con  
Quê người ... mái Ấm ... lòng son  
Mở khai hải ngoại Từ Đàm dưỡng tâm  
Khuyến từ, Pháp nhũ ... tưới chăm ...  
Vườn Lam ... mùa hạnh: âm thầm nở hoa

... *trúc xinh trúc đứng bên Đình  
Từ Đàm hải ngoại một mình vẫn xinh ...*  
Vui thay nhìn thấy cảnh này  
Ước mong cùng khắp sum vầy giống đây  
Hương Lam hòa quyện gió mây  
Mùa hạnh đen nở ngạt ngào hương Lam hương.

**Nguyễn Viễn mến tặng và các ACE Áo Lam 4 phương**